

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu. Danh mục, số lượng cụ thể theo phụ lục đính kèm.

Thời hạn tiếp nhận báo giá trước: 16 giờ 00 phút ngày 20/02/2025;

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Mẫu báo giá chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Báo giá được ký, đóng dấu hợp pháp gửi bản scan về địa chỉ email: khoaduoccdcqn@gmail.com, đồng thời văn bản giấy được gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Khoa Dược - VTYT – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Phố Hải Phúc – Phường Hồng Hải – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ds. Nguyễn Khánh Quyên – Khoa Dược - VTYT – Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, số điện thoại: 0971994999.

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ các đơn vị cung cấp

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để đăng tải);
- TCHC (để đăng tải);
- TCKT;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Vũ Quyết Thắng

Phụ lục

*Kèm theo công văn số 281/TTKSBT-KD ngày 17/02/2025 của Trung tâm
Kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh*

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
	I	Thiết bị văn phòng và VPP			
	I.1	PCBKLN&DD			
Q001	1	Phiếu ghi kết quả A4	Giấy A4 70gsm, in chữ đen	Tờ	1
Q002	2	Phiếu ghi kết quả A5	Giấy A5 70gsm, in chữ đen	Tờ	1
Q003	3	Bút bi	Mực xanh, Khoảng 500 lượt ghi chép/cái	Cái	1
Q004	4	Quần áo Blouse	Vải trắng, gồm quần, áo, mũ	Bộ	1
Q005	5	Pin tiểu AAA		Quả	1
Q006	6	Ổ điện kéo dài	4 chỗ cắm, dây dài 3m	Cái	1
Q007	7	Nhiệt ẩm kế		Cái	1
Q008	8	Thùng rác y tế, sinh hoạt		Cái	1
Q009	9	Bìa cứng kẹp giấy A4		Cái	1
Q010	10	Túi nhựa khô A4 có khuy bấm		Cái	1
Q011	11	Bàn ghế làm việc		Bộ	1
Q012	12	Ghế ngồi chờ		Cái	1
Q013	13	Máy in	In đen trắng 2 mặt	Cái	1
Q014	14	Tủ đựng tài liệu		Chái	1
Q015	15	Dập ghim		Cái	1
	I.2	SKMT			
Q016	1	Giấy dán nhãn	Băng keo giấy chịu nhiệt, không thấm nước kích thước 2,4 cm x 50m.	Cuộn	1
	I.3	KSTCT			
Q017	1	Giấy bìa màu xanh A4	Kích thước: 297 x 210mm. Màu sắc: Xanh dương Độ dày:180gsm.	Tờ	1
Q018	2	Giấy bóng mờ KT 24,7x42cm	KT 24,7x42cm, Độ dày giấy 260gsm Màu sắc:Trắng trung tính Chất liệu Giấy trơn, bóng, mịn mờ	Tờ	1
Q019	3	Kéo cắt giấy	Kéo cắt giấy có lưỡi kéo được làm bằng thép không gỉ bền đẹp, cứng chắc. Chất liệu thép chống ăn mòn, chịu lực tốt, không bị biến dạng, cong vênh trong quá trình sử dụng. Lưỡi kéo dài được mài sắc bén, giúp bạn cắt nhanh, gọn mà vẫn đảm bảo mặt cắt mịn, đẹp, đồng thời không làm hư tổn cấu trúc vật liệu xung quanh vùng cắt.Phần tay cầm được thiết kế vừa vặn để đặt các ngón tay, giúp thao tác điều khiển dễ dàng, linh hoạt và an toàn. Kiểu dáng gọn nhẹ, phần tay cầm và lưỡi kéo được gắn với nhau một cách chắc chắn, hạn chế tối đa tình trạng lỏng lẻo, gây rời khi sử dụng.	Cái	1
Q020	4	Keo dán giấy	Chất liệu tự nhiên, an toàn Keo không độc hại, đạt chuẩn Châu Âu EN71/3, EN71/9, và Mỹ ASTM D-4236.. Mùi dễ chịu, không gắt. Lọ nhỏ tiện dụng. Dung tích 30ml vừa phải, lọ	Lọ	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			nhựa trong suốt		
Q021	5	Máy tính bàn	Bộ nhớ trong 8GB DDR4 Buss 3200Ổ đĩa cứng SSD 256GB sataÂm thanh Realtek 7.1 Surround Sound High Definition Audio Dxx)Kết nối mạng Gigabit LAN 10/100/1000 Mb/sCổng giao tiếp VGA/ HDMI/ Audio In/OutVỏ máy & Nguồn Case - ATX550W, 1 x Power, 1 x Reset, 2 x USB 2.0, 1 x Audio IN, 1 x Audio OUT (đồng bộ với thương hiệu)Màn hình MCC 21.5" LED Full HDKích thước màn hình: 21.5 inch - Công nghệ màn hình: Less Blue Light (chống chói, chống mỏi mắt). - Loại màn: VA (góc nhìn rộng hơn, màu sắc trung thực hơn) - Độ sáng: 250 nits - Tỷ lệ tương phản: 200.000.000:1 (DCR) - Thời gian đáp ứng: 5ms - Góc nhìn: 178°(Dọc) / 178°(Ngang) - Độ phân giải: 1920*1080 @60Hz - Hỗ trợ màu: 16.7 triệu màu - VESA: 75 x 75 - Cổng kết nối: VGA, HDMI - Nguồn điện: Đầu vào 220V-240V - Đầu ra: 12V - 3A (Đồng bộ với thương hiệu)Key & Mouse - Bàn phím & Chuột quang có dây cổng giao tiếp USB 2.0- Bộ cục: 3 cụm phím với tổng 104 phím & Windows- Các phím chỉ số: Num Lock, Caps Lock & Scroll Lock- Tuổi thọ: 5 triệu lượt nhấn- Chiều cao chân phím: 4.0 +/-2mm- Chuột: cảm biến 1000 Dpi, kháng khuẩn Dxx- Đồng bộ với thương hiệuHệ điều hành Windows 11 Pro	Bộ	1
Q022	6	Mực in	Màu mực: đen Loại mực: laser trắng đen Dung lượng trang in: 2.600 trang với độ phủ 5%	Hộp	1
Q023	7	Băng dính giấy 1,2 cm	- Thông Số: Khổ 1,2cm - Bao gồm: 1 cuộn - Màu sắc: Trắng Ngà	Cuộn	1
	I.5	BNN			
Q024	1	Pin AA 1,5V	Size : AA.Đóng gói : Vỉ 2 viên.Kích thước viên pin : 14mm x50mm.Điện thế : 1.5V.	Đôi	1
Q025	2	Thước	Thước đo cm	Cái	1
Q026	3	Kẹp file hồ sơ	Kẹp giấy thông dụng 2 tai	Cái	1
	II	Thiết bị y tế và thiết bị, vật tư, hóa chất chuyên môn			
	II.1	PCBKLN&DD			
Q027	1	Thước dây đo chu vi vòng cánh tay đảm bảo độ chính xác	- Thang chia khoảng cách là 1 mm. - Độ chính xác: thước đo chu vi vòng cánh tay cần đạt được độ chính xác với mức sai số tối đa là $\pm 1\text{mm}$.	Chiếc	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			- Chỉ thị màu: thước được chỉ thị bởi 3 màu như sau: + Màu đỏ: từ 6 đến dưới 11,5cm. 5 + Màu vàng: từ 11,5cm đến dưới 12,5cm. + Màu xanh lá: từ 12,5cm đến 26,5cm. - Đảm bảo tính dai, chắc và không bị thay đổi cấu trúc trong quá trình sử dụng.		
Q028	2	Thước dây đo chu vi vòng đầu đảm bảo độ chính xác	- Thang chia khoảng cách là 1 mm. - Độ chính xác: thước đo chu vi vòng đầu cần đạt được độ chính xác với mức sai số tối đa là ± 1mm. - Giới hạn đo: 60 cm - Đảm bảo tính dai, chắc và không bị thay đổi cấu trúc trong quá trình sử dụng.	Chiếc	1
Q029	3	Thước dây đo chu vi vòng eo đảm bảo độ chính xác	- Thang chia khoảng cách là 1 mm.- - Độ chính xác: thước đo chu vi vòng 30 cần đạt được độ chính xác với mức sai số tối đa là ± 1mm.- - Giới hạn đo: 100 cm- - Đảm bảo tính dai, chắc và không bị thay đổi cấu trúc trong quá trình sử dụng.	Chiếc	1
Q030	4	Thước dây đo chu vi vòng hông đảm bảo độ chính xác	- Thang chia khoảng cách là 1 mm. - Độ chính xác: thước đo chu vi vòng 30 cần đạt được độ chính xác với mức sai số tối đa là ± 1mm. - Giới hạn đo: 100 cm - Đảm bảo tính dai, chắc và không bị thay đổi cấu trúc trong quá trình sử dụng.	Chiếc	1
Q031	5	Cân sức khỏe điện tử đảm bảo độ chính xác	Cân điện tử có số lẻ phần thập phân làm tròn 01 chữ số (0,1kg); sai số $\pm 0,01$ kg.	Chiếc	1
Q032	6	Cân lòng máng điện tử đảm bảo độ chính xác	Cân điện tử có số lẻ phần thập phân làm tròn 01 chữ số (0,1kg); sai số $\pm 0,01$ kg.		1
Q033	7	Thước đo chiều cao đứng/chiều dài nằm đảm bảo độ chính xác	Thước gỗ 3 mảnh: - Thang chia khoảng cách là 1 mm. - Độ chính xác: mức sai số tối đa là ± 1mm. - Giới hạn đo: 200 cm	Chiếc	1
Q034	8	Thước đo chiều cao ngồi đảm bảo độ chính xác	Thước gỗ: - Thang chia khoảng cách là 1 mm. - Độ chính xác: mức sai số tối đa là ± 1mm	Chiếc	1
Q035	9	Ghế gỗ tiêu chuẩn	Ghế bằng gỗ, cao 40cm, dài 50cm, rộng 30cm	Chiếc	1
Q036	10	Cân Inbody 120		Chiếc	1
Q037	11	Ga giường đo	Vải trắng	Chiếc	1
Q038	12	Cồn sát khuẩn	Cồn 70 độ	Chai 500ml	1
Q039	13	Pipet bán tự động 500-		Chiếc	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		5000µl			
Q040	14	Pipet bán tự động 100-1000µl		Chiếc	1
Q041	15	Pipet bán tự động 20-200µl		Chiếc	1
Q042	16	Pipet bán tự động 10-100µl		Chiếc	1
Q043	17	Đầu tip có chia vạch 500-5000µl		Chiếc	1
Q044	18	Đầu tip có chia vạch 100-1000µl		Chiếc	1
Q045	19	Đầu tip có chia vạch 20-200µl		Chiếc	1
Q046	20	Bình định mức thủy tinh 50ml		Chiếc	1
Q047	21	Chai thủy tinh khô sạch 100 ml có nắp vặn		Chiếc	1
Q048	22	Chai thủy tinh khô sạch 1000 ml có nắp vặn		Chiếc	1
Q049	23	Chai thủy tinh khô sạch 5000 ml có nắp vặn		Chiếc	1
Q050	24	Ống đong thủy tinh 1L		Chiếc	1
Q051	25	Ống đong thủy tinh 100ml		Chiếc	1
Q052	26	Bình tia nước cắt nhựa 500ml		Chiếc	1
Q053	27	Cốc thủy tinh có mỏ 100ml, có vạch chia		Chiếc	1
Q054	28	Tăm bông		Chiếc	1
Q055	29	Ống ly tâm 2cm		Chiếc	1
Q056	30	Pipet bóp nhựa		Chiếc	1
Q057	31	Phim parafilm		Cm	1
Q058	34	Mũ trùm đầu dùng một lần		Chiếc	1
Q059	35	Quyển ảnh điều tra khẩu phần		Quyển	1
Q060	36	Cân điện tử độ chính xác tối thiểu 1 gam		Cái	1
Q061	37	Bộ dụng cụ hỗ trợ (thìa, thìa, bát, đĩa, âu đựng nước, cốc các kích cỡ khác nhau)		Bộ	1
Q062	38	Vật liệu thay thế gạo tẻ		Kg	1
Q063	40	Quả cân chuẩn (0,5kg)		Quả	1
Q064	41	Quả cân chuẩn (5,0kg)		Quả	1
	II.2	SKMT			
Q065	1	Giá 3 chân	Có thể điều chỉnh được chiều cao và hướng	Cái	1
Q066	2	Panh mũi thẳng gấp giấy lọc	Thép không gỉ, đầu bằng nhựa hoặc bít nhựa không có răng hoặc mấu	Chiếc	1
Q067	3	Bao đựng giấy lọc	Giấy can kỹ thuật, không hút ẩm, không tĩnh điện	Chiếc	1
Q068	4	Các hộp bảo quản mẫu	Chất liệu không hút ẩm	Chiếc	1
Q069	5	Đồng hồ bấm giây	Khả năng đếm đến 24 giờ	Chiếc	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q070	6	Đầu lấy mẫu	Đường kính phù hợp giấy lọc đường kính 4 inches	Chiếc	1
Q071	7	Giấy lọc	Chất liệu màng lọc sợi, chất kết dính: acrylic hoặc tương đương; đường kính 4 inches, dày 0,016 inches	Cái	1
Q072	8	Thước đo chiều cao học sinh	Thước đo chiều cao dán tường 2m, có vạch rõ chi tiết các chỉ số, độ chia tối thiểu 0,1cm	Chiếc	1
Q073	9	Thước dây 50m	Thước cuộn chuyên dụng, chiều dài dây 50m, kích thước dây 12,5mm, có vạch rõ chi tiết các chỉ số, độ chia tối thiểu 0,1cm	Chiếc	1
	II.3	VSHH			
Q074	1	1-naphthylphosphate disodium salt	Tên gọi: 1-Muối monosodium naphthyl phosphate monohydrat Tên gọi khác: Axit photphoric 1-naphthyl este mononatri muối monohydrat; Natri 1-naphthyl hydro photphat monohydrat Công thức phân tử: C ₁₀ H ₁₀ NaO ₅ P Trọng lượng phân tử: 264,15 1-Naphthyl photphat (muối mononatri monohydrat) (CAS:81012-89-7) là chất nền mô hóa học cho phosphatase axit và kiềm. 1-naphthol được giải phóng khi thủy phân. Bằng cách kết hợp đồng thời với muối diazonium, thuốc nhuộm azo tương ứng được hình thành. Naphthols cũng có thể được phát hiện bằng phân tích huỳnh quang. 1-Naphthyl photphat đóng vai trò là chất nền để xác định phosphatase axit tuyến tiền liệt.	Lọ	1
Q075	2	Acetamide	công thức CH ₃ CONH ₂ . Hóa chất được sử dụng trong tổng hợp, phân tích hóa học tại phòng thí nghiệm trường học, viện nghiên cứu. Quy cách đóng gói trong chai nhựa 500g.	Chai	1
Q076	3	Acetate buffer (pH 4,6 ÷ 0,2)	Còn có tên gọi là Sodium acetate buffer solution; Acetic acid-Sodium acetate buffer 1:1 pH 4.6 Dung dịch đệm natri axetat; Acetic acid-Sodium acetate đệm 1: 1 pH 4,6	Chai	1
Q077	4	Baird Parker Agar	Được sử dụng để: chọn lọc và phân lập, định lượng Staphylococcus Aureus trong mẫu thực phẩm Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 10.0 g/L 'Lab-Lemco' powder 5.0 g/L Yeast extract 1.0 g/L Sodium pyruvate 10.0 g/L Glycine 12.0 g/L	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Lithium chloride 5.0 g/L Agar 20.0 g/L pH $6.8 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Hòa tan 63g môi trường vào 1L nước, đun sôi tới khi hòa tan hoàn toàn, Tiệt trùng 121oC trong vòng 15 phút, làm nguội tới 50oC bổ sung thêm Egg Yolk Tellurite Emulsion, trộn đều và phân phối ra đĩa petri Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q078	5	Bộ kháng huyết thanh đa giá Dysenteriae	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh đa giá Vibrio . Đóng gói: Lọ 2ml	Lọ	1
Q079	6	Bộ kháng huyết thanh đa giá Flexneri	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh đa giá Shigella . Đóng gói: Lọ 2ml	Lọ	1
Q080	7	Bộ kháng huyết thanh đa giá O1- 139	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh đa giá Vibrio . Đóng gói: Lọ 2ml	Lọ	1
Q081	8	Bộ kháng huyết thanh đa giá Vibrio cholerae Ogawa	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Vibrio .Đóng gói: Lọ 2ml	Lọ	1
Q082	9	Bộ kháng huyết thanh đa giá ViVibrio cholerae Inaba	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Vibrio . Đóng gói: Lọ 2ml	Lọ	1
Q083	10	Bộ kháng huyết thanh Salmonella	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh đa giá Salmonella . Đóng gói: Lọ 2ml	Lọ	1
Q084	11	Brain heart infusion (BHI)	Môi trường giàu dinh dưỡng để nuôi cấy liên cầu khuẩn, Neisseria và các vi khuẩn khó tính khác Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Brain infusion solids 12.5 g/L Beef heart infusion solids 5.0 g/L Proteose peptone 10.0 g/L Glucose 2.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Disodium phosphate 2.5 g/L pH $7.4 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Hòa tan 37g môi trường trong 1L nước, phân phối ra dụng cụ chứa đựng và tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, Nhiệt độ <20oC trong điều kiện tối với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q085	12	Buffer Peptone	Được sử dụng: trong công đoạn trước khi tăng sinh chọn lọc phân lập vi khuẩn Salmonella trong mẫu thực	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			phẩm Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/l Sodium chloride 5.0 g/l Disodium phosphate 3.5 g/l Potassium dihydrogen phosphate 1.5 g/l pH $7.2 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Hòa tan 20g môi trường vào 1L nước, phân phối vào dụng cụ chứa đựng, tiệt trùng ở 121oC trong vòng 15 phút, Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, nhiệt độ phòng với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q086	13	Buffer Peptone Water	Được sử dụng: trong công đoạn trước khi tăng sinh chọn lọc phân lập vi khuẩn Salmonella trong mẫu thực phẩm Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/l Sodium chloride 5.0 g/l Disodium phosphate 3.5 g/l Potassium dihydrogen phosphate 1.5 g/l pH $7.2 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Hòa tan 20g môi trường vào 1L nước, phân phối vào dụng cụ chứa đựng, tiệt trùng ở 121oC trong vòng 15 phút, Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, nhiệt độ phòng với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q087	14	Canh thang mật lục sáng (Brilliant Green Bile Lactose broth)	Được sử dụng để: Xác định sự có mặt của vi khuẩn nhóm Coliform, được khuyến cáo dùng cho thử nghiệm xác nhận Escherichia coli ở 44°C.Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Ox bile (purified) 20.0 g/L Brilliant green 0.0133 g/L pH $7.4 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: hòa tan 40g môi trường vào 1L nước, phân phối vào dụng cụ chứa đựng phù hợp với ống Durham úp ngược và hấp tiệt trùng tại 121oC ở 15 phút, Với môi trường gấp đôi nồng độ hòa tan 100oC trong 30	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			phút, Không hấp tiệt trùng. Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q088	15	Canh thang Selenit F	Môi trường dinh dưỡng để phân lập Salmonella từ phân và các sản phẩm thực phẩm. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 5.0 g/L Lactose 4.0 g/L Sodium phosphate 10.0 g/L pH 7.1 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: hòa tan 4g Sodium biselenite (LP0121B) vào 1L nước, sau đó thêm 19g Selenite Broth Base làm ẩm để hòa tan hoàn toàn, lắc đều và chia vào dụng cụ chứa đựng phù hợp, tiệt trùng trên nồi nước sôi hoặc bằng hơi nước trong 10 phút, KHÔNG ĐƯỢC HẤP TIỆT TRÙNG Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q089	16	Chromogenic Coliform Agar (CCA)	Được sử dụng để phát hiện, định lượng và phân biệt Coliforms và E.Coli trong mẫu nước có mật độ vi khuẩn thấp Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Enzymatic digest of casein 1g/l Yeast extract 2g/l Sodium chloride 5g/l Sodium dihydrogen phosphate dehydrate 2H2O 2.2g/l Disodium hydrogen phosphate 2.7g/l Sodium pyruvate 1g/l Sorbitol 1g/l Tryptophan 1g/l Tergitol® 15-S-7 0.15g/l 6-Chloro-3 indoxyl-β Dgalactopyranoside 0.2g/l 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-β- Dglucuronic acid 0.1g/l IPTG 0.1g/l Agar 13.55g/l Cách pha: Hòa tan 30g môi trường vào 1L nước, đun sôi tới khi hòa tan hoàn toàn và phân phối ra đĩa petri tiệt trùng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500	Chai	1
Q90	17	Chủng chuẩn E.coli	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc	Gói	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		ATCC 25922	MỹChủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lênChủng được đánh trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóaĐóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que		
Q91	18	Chủng chuẩn E.faecalis ATCC 19433	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Chủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lên Chủng được đánh trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóa Đóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que	Gói	1
Q92	19	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Chủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lên Chủng được đánh trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóa Đóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que	Gói	1
Q93	20	Chủng chuẩn Salmonella typhimurium (ATCC-14028)	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Chủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lên Chủng được đánh trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóa Đóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que	Gói	1
Q94	21	Chủng chuẩn Shigella	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Chủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lên Chủng được đánh trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóa Đóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que	Gói	1
Q95	22	Chủng chuẩn S.aureus ATCC 25923 (không quá F5)	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Chủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lên Chủng được đánh trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóa Đóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que	Gói	1
Q96	23	Chủng Clostridium perfringens	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Đóng gói: 6 bộ chứa chủng có sẵn dung dịch hoạt hóa	Túi	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q97	24	Chủng Legionella anisa	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Đóng gói: 6 bộ chứa chủng có sẵn dung dịch hoạt hóa	Túi	1
Q98	25	Chủng Legionella pneumophilla	Chủng vi sinh từ ngân hàng chủng gốc Mỹ Chủng vi sinh vật định tính từ đời 3 trở lên Chủng được dính trực tiếp trên que cấy vi sinh, sử dụng đơn giản, tiện lợi, không cần qua bước hoạt hóa Đóng gói: 5 que chứa chủng được đóng gói riêng từng que	Gói	1
Q99	26	Coagulase Plasma (0.1mg per vial)	Huyết tương thử được sử dụng để phát hiện enzyme coagulase của vi khuẩn tụ cầu, nhận biết bằng hiện tượng tạo kết tủa Sử dụng trực tiếp trên mẫu thử Bảo quản: 2-8oC đóng gói: lọ 15ml	Lọ	1
Q100	27	Cồn tuyệt đối	Hàm lượng $\geq 99,7\%$	Chai	1
Q101	28	D-cycloserin	D-cycloserine 200mg/ lọ Hoạt hóa bằng cách thêm 2ml nước tiết trùng vào mỗi lọ và hòa tan hoàn toàn 1 lọ dùng cho 500ml môi trường Bảo quản: 2-8oC đóng gói: 10 lọ/ hộp	Hộp	1
Q102	29	Môi trường EC - MUG	MUG EC Broth được sử dụng để phát hiện Escherichia coli trong các mẫu nước và thực phẩm bằng phương pháp fluorogen Môi trường thành phần bao gồm:- Enzyme thủy phân casein: 20.000 Gms / lít- Lactose: 5.000Gms / lít- Hỗn hợp muối mật: 1.500Gms / lít- Phosphat kali: 4.000 Gms / lít- Monopotosphat: 1.500 Gms / lít- Natri clorua: 5.000 Gms / lít- 4-Methylumbelliferyl β -D-Glucuronide (MUG): 0,050 Gms / lít Bảo quản dưới 30 ° C trong hộp đậy kín và môi trường đã chuẩn bị ở 2-8 ° C. Đóng gói: 500g	Chai	1
Q103	30	Egg yolk Tellurite emulsion	Nhũ tương lòng đỏ trứng có chứa kali telurit để sử dụng bổ sung môi trường Baird-Parker phát hiện tụ cầu khuẩn trong mẫu thực phẩm Cách pha: cho 50ml nhũ tương vào 1L môi trường Bảo quản: 2-8oC đóng gói: chai 100ml	Chai	1
Q104	31	Muối Fast Blue B salt (o-Dianisidine bis(diazotized) zine double salt			1
Q105	32	Dung dịch Glycerol	Chai nhựa chứa 2.5L Glycerol	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q106	33	Môi trường KIA agar	Một môi trường để xác định Enterobacteriaceae, dựa trên quá trình lên men đường đôi và sản xuất hydro sunfua. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 3.0 g/L Yeast extract 3.0 g/L Peptone 20.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Lactose 10.0 g/L Glucose 1.0 g/L Ferric citrate 0.3 g/L Sodium thiosulphate 0.3 g/L Phenol red 0.05 g/L Agar 12.0 g/L pH 7.4 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 55g môi trường vào 1L nước, đun nóng tới khi hòa tan hoàn toàn, phân phối vào dụng cụ chứa đựng phù hợp, Tiệt trùng ở 121oC trong vòng 15 phút, cho phép đặt thạch nghiêng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, Nhiệt độ phòng với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q107	34	Môi trường King B	Được sử dụng chủ yếu để sản xuất sắc tố của các loài Pseudomonas từ thực phẩm, hỗ trợ quá trình nuôi cấy thực vật, hỗ trợ sự phân lập giả của các vật liệu y tế Thành phần: Proteose peptone 20 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 1.5 g/L Magnesium sulphate. heptahydrate 1.5 g/L Agar 20 g/L Final pH ở 25°C: $7,2 \pm 0,2$ Cách dùng: Hòa tan 42,23g môi trường vào 1L nước chứa 15ml Glycerol, đun sôi để hòa tan hoàn toàn, Hấp tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút, phân phối ra đĩa Petri tiệt trùng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q108	35	Môi trường Lauryl Tryptose Broth	Được sử dụng để: phát hiện coliform trong nước và nước thải Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptose 20.0 g/L Lactose 5.0	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			g/L Sodium chloride 5.0 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 2.75 g/L Potassium dihydrogen phosphate 2.75 g/L Sodium lauryl sulphate 0.1 g/L pH 6.8 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 35,6g môi trường vào 1L nước, và phân phối vào dụng cụ chứa đựng có chứa ống Duham úp ngược, Tiệt trùng ở 121°C trong vòng 15 phút Bảo quản: 10-30°C với dạng bột, Nhiệt độ phòng với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q109	36	Môi trường LDC Broth	Được sử dụng để: Để phát hiện sản xuất lysine decarboxylase của salmonellae và một số Enterobacteriaceae khác. Môi trường dạng viên nén, dễ hòa tan Thành phần tổng hợp: Yeast extract 3.0 g/L Glucose 1.0 g/L L-lysine 5.0 g/L Bromocresol purple 0.016 g/L pH 6.1 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 1 viên nén vào 5ml nước đựng trong dụng cụ chứa đựng phù hợp, Tiệt trùng ở 121°C trong vòng 15 phút Bảo quản: 2-8°C ở dạng viên nén, 2-8°C với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: Hộp 100 viên	Hộp	1
Q110	37	Môi trường LIA agar	Được sử dụng để: Môi trường chẩn đoán vi khuẩn Salmonella bao gồm cả Salmonella arizonae. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Bacteriological peptone 5.0 g/L Yeast extract 3.0 g/L Glucose 1.0 g/L L-lysine 10.0 g/L Ferric ammonium citrate 0.5 g/L Sodium thiosulphate 0.04 g/L Bromocresol purple 0.02 g/L Agar 14.5 g/L pH 6.7 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 34 g vào 1 lít nước cất. Đun sôi để hòa tan hoàn toàn. phân phối vào ống chứa phù hợp, hấp tiệt trùng ở 121°C trong 15 phút, để ống nghiệm nghiêng để nguội tạo thành ống thạch nghiêng Bảo quản: 10-30°C với dạng bột, 2-8°C với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q111	38	Môi trường MacConkey Agar	Được sử dụng để: phân lập coliform và mầm bệnh đường ruột trong nước, các sản phẩm sữa và mẫu sinh học Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 20.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Neutral red 0.075 g/L Agar 12.0 g/L pH 7.4 ± 0.2 Cách pha: Hòa tan 52 g vào 1 lít nước cất. Đun sôi để hòa tan hoàn toàn. hấp tiệt trùng ở 121°C trong 15 phút Bảo quản: $10-30^{\circ}\text{C}$ với dạng bột, $2-8^{\circ}\text{C}$ với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q112	39	Máu cừu	Máu cừu khử sợi huyết Đóng gói: chai 100ml	Chai	1
Q113	40	Môi trường MKTTN broth	Được sử dụng để: tăng sinh chọn lọc để phân lập Salmonella Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Meat extract 4.3 g/L Enzymatic digest of casein 8.6 g/L Sodium chloride 2.6 g/L Calcium carbonate 38.7 g/L Sodium thiosulphate (anhydrous) 30.5 g/L Ox bile 4.78 g/L Brilliant green 0.0096 g/L pH 8.0 ± 0.2 @ 25°C + Novobiocin 20mg/L Cách pha: Hòa tan 89.5g môi trường trong 1L nước, trộn đều và đun sôi. Làm nguội xuống dưới 45°C. Ngay trước khi sử dụng, thêm 20ml dung dịch iod-iodua được pha bằng cách hòa tan 25g kali iodua trong 10ml nước, thêm 20g iod rồi pha loãng thành 100ml bằng nước vô trùng. Đồng thời thêm bốn lọ Novobiocin (SR0181) đã hoàn nguyên theo hướng dẫn. Trộn đều và phân phối và đĩa Petri. Bảo quản: $10-30^{\circ}\text{C}$ với dạng bột, bảo quản ở nhiệt độ phòng với môi trường chưa bổ sung chất sung, sử dụng ngay với môi trường đã bổ sung chất bổ sung Đóng gói: 01 chai môi trường 500g và 03 hộp chất bổ sung (10 lọ/ hộp)	Chai	1
Q114	41	Thuốc thử Oxidase	Sản phẩm dạng bột Màu vàng tới be vàng Độ tinh khiết: $\geq 97.0\%$ Công thức hóa học:	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			C₆H₄[N(CH₃)₂]₂·2HCl Độ nóng chảy: 222-224 °C Được sử dụng để phân loại vi sinh vật hiếu khí dương tính với cytochrome oxidase, sử dụng dung dịch nước 1% N,N,N',N'-Tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride Đóng gói: 5g/ lọ		
Q115	42	Môi trường nuôi cấy chọn lọc cao (GVPC)	Môi trường phân lập vi khuẩn Legionella từ các mẫu môi trường và mẫu lâm sàng Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Activated charcoal 2.0 g/L Yeast extract 10.0 g/L α-ketoglutarate, monopotassium salt 0.5 g/L ACES buffer (N-2-acetamido-2-aminoethanesulfonic acid) 10.0g/L Agar 14.0 g/L Cách pha: Hòa tan 18,25g trong 466ml nước cất và trộn đều, trước khi điều chỉnh pH ngay bằng cách thêm 8,8ml KOH 2M (=0,99g kali hydroxit) và trộn lại. Đun sôi nhẹ cho đến khi tan hoàn toàn. Khử trùng bằng cách hấp ở nhiệt độ 121°C trong 15 phút (trộn ngay trước khi hấp để giảm cặn lắng và cháy). Làm nguội đến 45-50°C, trộn đều để hòa tan cặn trở lại. Thêm vô trùng 25ml Legionella Growth Supplement (BCYE) (SR0251C), hòa tan 10ml nước tiệt trùng vào 01 lọ Legionella GVPC Selective Supplement (SR0252E) hòa cùng môi trường và phân phối ra dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q116	43	Môi trường Sabouraud Agar	Được sử dụng để: phân lập nấm men, nấm mốc Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Mycological peptone 10.0 g/L Glucose (dextrose) 40.0 g/L Agar 15.0 g/L pH 5.6 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Pha 65g môi trường vào 1L nước, hòa tan hoàn toàn môi trường, tiệt trùng ở 121oC trong vòng 15 phút, phân ra dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q117	44	Môi trường thạch BCYE + AB	Môi trường phân lập vi khuẩn Legionella từ các mẫu môi trường và	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			mẫu lâm sàng Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Activated charcoal 2.0 g/L Yeast extract 10.0 g/L α-ketoglutarate, monopotassium salt 0.5 g/L ACES buffer (N-2-acetamido-2-aminoethanesulfonic acid) 10.0g/L Agar 14.0 g/L Cách pha: Hòa tan 18,25g trong 466ml nước cất và trộn đều, trước khi điều chỉnh pH ngay bằng cách thêm 8,8ml KOH 2M (=0,99g kali hydroxit) và trộn lại. Đun sôi nhẹ cho đến khi tan hoàn toàn. Khử trùng bằng cách hấp ở nhiệt độ 121°C trong 15 phút (trộn ngay trước khi hấp để giảm cặn lắng và cháy). Làm nguội đến 45-50°C, trộn đều để hòa tan cặn trở lại. Thêm vô trùng 25ml Legionella Growth Supplement (BCYE) (SR0251C), hòa tan 10ml nước tiệt trùng vào 01 lọ LEGIONELLA SELECTIVE SUPPLEMENT (BMPAα) (SR0254E) hòa cùng môi trường và phân phối ra dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q118	45	Môi trường thạch BCYE- Cys	Môi trường phân lập vi khuẩn Legionella từ các mẫu môi trường và mẫu lâm sàng Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Activated charcoal 2.0 g/L Yeast extract 10.0 g/L α-ketoglutarate, monopotassium salt 0.5 g/L ACES buffer (N-2-acetamido-2-aminoethanesulfonic acid) 10.0g/L Agar 14.0 g/L Cách pha: Hòa tan 18,25g trong 466ml nước cất và trộn đều, trước khi điều chỉnh pH ngay bằng cách thêm 8,8ml KOH 2M (=0,99g kali hydroxit) và trộn lại. Đun sôi nhẹ cho đến khi tan hoàn toàn. Khử trùng bằng cách hấp ở nhiệt độ 121°C trong 15 phút (trộn ngay trước khi hấp để giảm cặn lắng và cháy). Làm nguội đến 45-50°C, trộn đều để hòa tan cặn trở lại. Thêm vô trùng 25ml Legionella Growth Supplement (BCYE w/o Cysteine Supplement) (SR0253C),	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			phân phối ra dụng cụ chứa đựngBảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bịĐóng gói: chai 500g		
Q119	46	Môi trường thạch dinh dưỡng	Được sử dụng để: nuôi cấy vi sinh vật cơ bản Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 1.0 g/L Yeast extract 2.0 g/L Peptone 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Agar 15.0 g/L pH $7.4 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Pha 28g môi trường vào 1L nước, hòa tan hoàn toàn môi trường, tiệt trùng ở 121oC trong vòng 15 phút, phân ra dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q120	47	Môi trường thạch Trypton đậu nành (TSA)	Môi trường dinh dưỡng nuôi cấy vi sinh vật khó tính và không khó tính Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: -Pancreatic digest of casein 15.0 - Enzymatic digest of soya bean 5.0 - Sodium Chloride 5.0 - Agar 15.0. pH $7.3 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Pha 40g môi trường vào 1L nước, hòa tan hoàn toàn môi trường, tiệt trùng ở 121oC trong vòng 15 phút, phân ra dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q121	48	Muối NaCl tinh khiết (cho nuôi cấy vi sinh vật)	Muối NaCl, được sử dụng làm thành phần bổ sung trong môi trường nuôi cấy vi khuẩn, đạt cấp độ tinh khiết sử dụng kiểm vi sinh, không có chất độc hại Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Hóa chất dạng bột mịn, tinh khiết màu trắng dễ hòa tan Độ tinh khiết tối thiểu 99,5% Dung dịch nồng độ 10% có màu trong suốt, không có cặn đục Bảo quản: 10-30oC với dạng bột Đóng gói: chai 500g	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q122	49	Pseudomonas Agar/CN agar	Được sử dụng để: chọn lọc để phân lập Pseudomonas species Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: 01 hộp Thành phần: Proteose peptone 20 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 1.5 g/L Magnesium sulphate. heptahydrate 1.5 g/L Agar 20 g/L Final pH ở 25°C: 7,2 ± 0,2 Cách dùng: Hòa tan 42,23g môi trường vào 1L nước chứa 15ml Glycerol, đun sôi để hòa tan hoàn toàn, Hấp tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút, phân phối ra đĩa Petri tiệt trùng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g + 02 hộp Chất bổ sung được khuyến cáo để phân lập vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa Thành phần: Ceftriaxone 100.0mg/ ống hoặc 200.0mg/L Sodium nalidixate 7.5mg/ ống hoặc 15.0mg/L Cách pha: Bổ sung 1 ống Pseudomonas CN Supplement vào 500ml môi trường phân lập Bảo quản: 2-8oC Đóng gói: 10 ống/ hộp	Chai	1
Q123	50	Pseudomonas CFC selective Supplement	Được sử dụng để: chọn lọc để phân lập Pseudomonas species Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: 01 hộp Thành phần: Proteose peptone 20 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 1.5 g/L Magnesium sulphate. heptahydrate 1.5 g/L Agar 20 g/L Final pH ở 25°C: 7,2 ± 0,2 Cách dùng: Hòa tan 42,23g môi trường vào 1L nước chứa 15ml Glycerol, đun sôi để hòa tan hoàn toàn, Hấp tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút, phân phối ra đĩa Petri tiệt trùng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g + 02 hộp Chất bổ sung được khuyến cáo để phân lập vi khuẩn Pseudomonas spp Thành phần: Ceftriaxone 5.0mg/ ống hoặc 10.0mg/L Fucidin 5.0mg/ ống hoặc 10.0mg/L Cephalosporin 25.0mg/ ống hoặc	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			50.0mg/L Cách pha: Bỏ sung 1 ống Pseudomonas CFC Supplement vào 500ml môi trường phân lập Bảo quản: 2-8oC Đóng gói: 10 ống/ hộp		
Q124	51	Môi trường RVS broth	Được sử dụng để tăng sinh chọn lọc phân lập vi khuẩn Salmonella Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Soya peptone 5.0 g/L Sodium chloride 8.0 g/L Potassium dihydrogen phosphate 1.6 g/L Magnesium chloride 6H ₂ O 40.0 g/L Malachite green 0.04 g/L pH 5.2 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: hòa tan 30g môi trường bột khô vào 1L nước, đun nóng nhẹ cho tới khi hòa tan hoàn toàn, phân phối 10ml môi trường vào ống nghiệm hoặc chai, hấp tiệt trùng ở 115oC trong 15 phút Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q125	52	Môi trường Slanetz và Bartley	Được sử dụng để phát hiện enterococci. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: -Tryptose 20.0g/L -Yeast extract 5.0g/L -Glucose 2.0g/L -Di-potassium hydrogen phosphate 4.0g/L -Sodium azide 0.4g/L -Tetrazolium chloride 0.1g/L -Agar 10.0g/L pH 7.2 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: hòa tan 42g môi trường bột khô vào 1L nước, đun sôi nhẹ cho tới khi hòa tan hoàn toàn, tránh đun sôi quá mức, phân phối vào dụng cụ chứa đựng phù hợp, không đun nóng làm loãng lại môi trường Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q126	53	Môi trường SS agar	Được sử dụng để: phân lập Salmonella và một số loài Shigella từ mẫu bệnh phẩm, thực phẩm. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 5.0 g/L	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Peptone 5.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 8.5 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Sodium thiosulphate 8.5 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Brilliant green 0.00033 g/L Neutral red 0.025 g/L Agar 15.0 g/L pH $7.0 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: hòa tan 63g môi trường vào 1L nước, khuấy đều, đun từ từ tới khi sôi để hòa tan hoàn toàn môi trường, không hấp tiệt trùng, để nguội tới 50oC và phân phối vào đĩa Petri vô trùng Bảo quản: 10-20oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q127	54	Môi trường TCBS	Được sử dụng để: phân lập chọn lọc vi khuẩn Vibrio gây bệnh. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 5.0 g/L Bacteriological peptone 10.0 g/L Sodium thiosulphate 10.0 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Ox Bile 8.0 g/L Sucrose 20.0 g/L Sodium chloride 10.0 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Bromothymol blue 0.04 g/L Thymol blue 0.04 g/L Agar 14.0 g/L pH $8.6 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Hòa tan 88g môi trường vào 1L nước, đun sôi tới khi hòa tan hoàn toàn, không được hấp tiệt trùng, phân phối ra đĩa petri, không làm khô hoặc gia nhiệt môi trường trước khi cấy mẫu Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q128	55	Môi trường TGEA Agar	Được sử dụng để: Dùng để đếm vi khuẩn trong nước, các sản phẩm từ sữa và phát hiện các sinh vật ưa nhiệt. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 3.0 g/L Tryptone 5.0 g/L Glucose 1.0 g/L Agar 15.0 g/L pH $7.0 \pm 0.2 @ 25^{\circ}\text{C}$ Cách pha: Hòa tan 24g môi trường vào 1L nước, đun sôi tới khi hòa tan hoàn	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			toàn, hấp tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút, phân phối ra đĩa petri, Đối với mẫu có độ pha loãng lớn hơn 1:10 thì bổ sung thêm 10 ml dung dịch vô trùng 10% Skim milk LP0031B vào mỗi lít môi trường Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q129	56	Môi trường Thạch BCYE	Môi trường phân lập vi khuẩn Legionella từ các mẫu môi trường và mẫu lâm sàng Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Activated charcoal 2.0 g/L Yeast extract 10.0 g/L α -ketoglutarate, monopotassium salt 0.5 g/L ACES buffer (N-2-acetamido-2-aminoethanesulfonic acid) 10.0g/L Agar 14.0 g/L Cách pha: Hòa tan 18,25g trong 466ml nước cất và trộn đều, trước khi điều chỉnh pH ngay bằng cách thêm 8,8ml KOH 2M (=0,99g kali hydroxit) và trộn lại. Đun sôi nhẹ cho đến khi tan hoàn toàn. Khử trùng bằng cách hấp ở nhiệt độ 121°C trong 15 phút (trộn ngay trước khi hấp để giảm cặn lắng và cháy). Làm nguội đến 45-50°C, trộn đều để hòa tan cặn trở lại. Thêm vô trùng 25ml Legionella Growth Supplement (BCYE) (SR0251C) Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q130	57	Thạch Endo (ENDO agar)	Được sử dụng để: Để phân biệt các sinh vật đường ruột lên men lactose và không lên men lactose, đặc biệt trong quá trình xác nhận thử nghiệm giả định đối với coliform Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Di-potassium phosphate 3.5 g/L Sodium sulphite 2.5 g/L Agar 10.0 g/L pH 7.5 $\pm$ 0.2 @ 25°C + 6ml dung dịch Fucsin 10% BR0050 Cách pha: Hòa 36g môi trường vào 1 lít nước cất. Thêm 6ml (hoặc theo chỉ dẫn của nhà cung cấp) dung dịch fuchsin cơ bản BR0050 10% w/v (50:50 etanol/nước cất). Đun sôi để	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			hòa tan hoàn toàn. Khử trùng bằng nồi hấp ở 121°C trong 15 phút. Trộn đều trước khi đổ. Các đĩa nên được bảo quản trong bóng tối để giữ được màu hồng nhạt của chúng. Bảo quản: 10-20oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị. Đóng gói: chai 500g + 10g		
Q131	58	Thạch mật aesculin - Azid	Môi trường phân biệt để phân lập và xác định sơ bộ vi khuẩn đường ruột / liên cầu khuẩn nhóm D. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 14.0 g/L Bile salts 15.0 g/L Ferric citrate 0.5 g/L Aesculin 1.0 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.1 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 44.5g môi trường vào 1L nước, đun sôi tới khi hòa tan hoàn toàn, hấp tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q132	59	Môi trường Thạch MWY	Môi trường phân lập vi khuẩn Legionella từ các mẫu môi trường và mẫu lâm sàng Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Activated charcoal 2.0 g/L Yeast extract 10.0 g/L α-ketoglutarate, monopotassium salt 0.5 g/L ACES buffer (N-2-acetamido-2-aminoethanesulfonic acid) 10.0g/L Agar 14.0 g/L Cách pha: Hòa tan 18,25g trong 466ml nước cất và trộn đều, trước khi điều chỉnh pH ngay bằng cách thêm 8,8ml KOH 2M (=0,99g kali hydroxit) và trộn lại. Đun sôi nhẹ cho đến khi tan hoàn toàn. Khử trùng bằng cách hấp ở nhiệt độ 121°C trong 15 phút (trộn ngay trước khi hấp để giảm cặn lắng và cháy). Làm nguội đến 45-50°C, trộn đều để hòa tan cặn trở lại. Thêm vào 25ml Legionella Growth Supplement (BCYE) (SR0251C), hòa tan 10ml nước tiệt trùng vào 01 lọ	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Legionella MWY Selective Supplement (SR0255E) hòa cùng môi trường và phân phối ra dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q133	60	Môi trường Urea	Một cơ bản để chuẩn bị môi trường Christensen nhằm phát hiện hoạt động urease nhanh của Proteae và hoạt động urease không nhanh của một số Enterobacteriaceae. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan. Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay. Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 1.0g, Glucose 1.0g, Sodium chloride 5.0g, Disodium phosphate 1.2g, Potassium dihydrogen phosphate 0.8g, Phenol red 0.012g, Agar 15.0g, pH 6.8 ± 0.2. Cách pha: Hòa tan 2.4g môi trường vào 95ml nước, đun sôi cho hòa tan hoàn toàn, tiệt trùng ở 115oC trong 20 phút, để nguội tới nhiệt độ 50oC và trộn đều cùng 5ml dung dịch 40% Urea Solution (SR0020K), phân phối vào ống thạch nghiêng. Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị. Đóng gói: chai 500g	Chai	1
Q134	61	Thuốc thử Nessler reagent	Thành phần cho 100ml thuốc thử: Thủy ngân II clorua 10g, kali iodua 7g, natri hydroxit 16g	Chai	1
Q135	62	Triphenyltetrazolium chloride (TTC)	Chất bổ sung vào môi trường nuôi cấy. Dung dịch TTC được cung cấp dưới dạng 2 ml dung dịch nước triphenyltetrazolium chloride đã lọc. Dung dịch này được sử dụng để bổ sung Tergitol-7 Agar CM0793 để định lượng vi khuẩn coliform trong nguồn cung cấp thực phẩm và nước. Bảo quản: 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: Hộp 10 lọ x 2ml	Hộp	1
Q136	63	TSC agar	Môi trường định danh và định lượng Clostridium perfringens. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan. Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay. Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptose 15.0g/L, Soya peptone 5.0g/L, Yeast extract 5.0g/L, Sodium metabisulphite 1.0g/L, Ferric ammonium citrate 1.0g/L, Agar 19.0g/L, pH 7.6 ± 0.2 @ 25°C	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Cách pha: Hòa tan 23g môi trường vào 500ml nước, đun sôi cho hòa tan hoàn toàn, tiệt trùng ở 121oC trong 10 phút, để nguội tới nhiệt độ 50oC và trộn đều cùng 01 lọ chất bổ sung TSC supplement (SR0088E) đã hoạt hóa và 25ml egg yolk emulsion (SR0047C), trộn đều phân phối vào dụng cụ chứa đựng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q137	64	TSI Agar	Được sử dụng để: cmột môi trường tổng hợp để phân biệt Enterobacteriaceae bằng ba quá trình lên men đường và sản xuất hydro sunfuaMôi trường dạng bột mịn, dễ hòa tanThiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tayMôi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 3.0 g/LYeast extract 3.0 g/LPeptone 20 g/LSodium chloride 5.0 g/LLactose 10.0 g/LSucrose 10.0 g/LGlucose 1.0 g/LFerric citrate 0.3 g/LSodium thiosulphate 0.3 g/LPhenol red 0.024 g/LAgar 12.0 g/LpH 7.4 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 65g môi trường vào 1L nước, đun nóng tới khi hòa tan hoàn toàn, phân phối ra dụng cụ chứa đựng, hấp tiệt trùng ở 121oC trong 15 phút, để ống nghiệm nghiêng và để nguội tạo ra ống thạch nghiêngBảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bịĐóng gói: chai 500g	Chai	1
Q138	65	XLD agar	Được sử dụng để: chọn lọc và phân lập Salmonella và Shigella trong mẫu lâm sàng và thực phẩm Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Thiết kế chai dễ dàng thao tác bật mở nắp bằng một tay Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 3.0 g/L L-Lysine HCl 5.0 g/L Xylose 3.75 g/L Lactose 7.5 g/L Sucrose 7.5 g/L Sodium desoxycholate 1.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Sodium thiosulphate 6.8 g/L Ferric ammonium citrate 0.8 g/L Phenol red 0.08 g/L Agar 12.5 g/L pH 7.4 ± 0.2 @ 25°C Cách pha: Hòa tan 53g môi trường vào	Chai	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			1L nước, đun nóng và khuấy liên tục tới khi môi trường sôi, không để môi trường bị sôi bùng, chuyển ngay sang bếp cách thủy ở nhiệt độ 50oC để duy trì nhiệt độ và đổ ra đĩa Petri tiết trùng Bảo quản: 10-30oC với dạng bột, 2-8oC với môi trường đã chuẩn bị Đóng gói: chai 500g		
Q139	66	Băng dính chỉ thị nhiệt	Kích thước: 1,2cm x 55cm. Đơn vị: 42 cuộn/ thùng. Thành phần: keo, hóa chất hấp thụ nhiệt và cao su khô tự nhiên.	Thùng/ 42 cuộn/	1
Q140	67	Bình đèn cồn	Xuất xứ: Việt Nam Tên thương mại: Đèn cồn Hãng sản xuất: Việt Nam Quy cách đóng gói: Cái	Cái	1
Q141	68	Bình thủy tinh 500 mL nắp vặn	Bình thủy tinh có nắp vặn, chịu va đập cơ học, nắp vặn chắc chắn, có vòng đệm cao su giúp hóa chất bên trong được giữ kín không bị rò rỉ hay ảnh hưởng của độ ẩm, thân bình có vạch chia thể tích, dễ dàng định lượng	Cái	1
Q142	69	Bình ủ kỵ khí (Anaerobic jar, 2.5 L)	Sản phẩm được sử dụng trong vi sinh để tạo môi trường yếm khí để nuôi cấy các loài vi khuẩn, nấm kỵ khí. Được sử dụng rộng rãi tại phòng thí nghiệm trường học, viện nghiên cứu,... Dung tích chứa: 2,5 lít	Bình	1
Q143	70	Bộ phễu lọc thủy tinh	Phễu thủy tinh dùng để rót dung dịch và chất rắn mịn sang chiết qua các dụng cụ chứa có miệng nhỏ. Phễu có các kích thước: 40, 60, 75, 80, 90, 100, 120, 150...	Cái	1
Q144	71	Bông gòn thấm nước	Làm từ 100% bông tự nhiên, không tạp chất và không polyester. Sản phẩm được sản xuất với công nghệ xử lý màng bông Spunlace, bông mềm mịn, sạch tinh tế, hạn chế tối đa xơ thừa bám vào bề mặt vết thương. Quy cách: 45g/gói	Gói	1
Q145	72	Bút ghi kính	Bút viết kính	Cái	1
Q146	73	Chai nắp xanh 1000mL	Chai trung tính nâu, 1000ml (nắp xanh + vòng đệm). Chất liệu: nhựa PP. Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. Màu nâu chỉ phủ bên ngoài chai, rất đồng nhất, bền và khả năng kháng hóa chất cao. Dùng để lưu trữ, vận chuyển, bảo quản mẫu nhạy với ánh sáng.	Cái	1
Q147	74	Chai nắp xanh 250mL	Chai trung tính nâu, 250ml (nắp xanh + vòng đệm). Chất liệu: nhựa PP. Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. Màu	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			nâu chỉ phủ bên ngoài chai, rất đồng nhất, bền và khả năng kháng hóa chất cao. Dùng để lưu trữ, vận chuyển, bảo quản mẫu nhạy với ánh sáng.		
Q148	75	Chai nắp xanh 500mL	Chai trung tính nâu, 500ml (nắp xanh + vòng đệm). Chất liệu: nhựa PP. Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. Màu nâu chỉ phủ bên ngoài chai, rất đồng nhất, bền và khả năng kháng hóa chất cao. Dùng để lưu trữ, vận chuyển, bảo quản mẫu nhạy với ánh sáng.	Cái	1
Q149	76	Cốc thủy tinh có mỏ 50mL	Cốc đót được làm từ chất liệu thủy tinh siêu dày, chịu nhiệt tốt. Cốc đót có chuẩn phân vạch đúng, phần khai báo giúp việc cân đo nguyên liệu dễ dàng, độ chính xác cao hơn. Kiểu dáng nhỏ gọn, tiện dụng. Dung tích sử dụng: 50 ml	Cái	1
Q150	77	Cốc thủy tinh có mỏ 250 mL	Cốc đót được làm từ chất liệu thủy tinh siêu dày, chịu nhiệt tốt. Cốc đót có chuẩn phân vạch đúng, phần khai báo giúp việc cân đo nguyên liệu dễ dàng, độ chính xác cao hơn. Kiểu dáng nhỏ gọn, tiện dụng. Dung tích sử dụng: 250 ml	Cái	1
Q151	78	Cốc thủy tinh có mỏ 500 mL	Cốc đót được làm từ chất liệu thủy tinh siêu dày, chịu nhiệt tốt. Cốc đót có chuẩn phân vạch đúng, phần khai báo giúp việc cân đo nguyên liệu dễ dàng, độ chính xác cao hơn. Kiểu dáng nhỏ gọn, tiện dụng. Dung tích sử dụng: 500 ml	Cái	1
Q152	79	Đầu côn không filter lọc 10µl	Đầu tip không có lọc, vô trùng; Thẻ tích hút mẫu tối đa 10µl	Túi 1000 cái	1
Q153	80	Đầu côn không filter lọc 200 µl	Đầu tip không có lọc, vô trùng; Thẻ tích hút mẫu tối đa 200µl	Túi 1000 cái	1
Q154	81	Đầu côn không filter lọc 1000µl	Đầu tip không có lọc, vô trùng; Thẻ tích hút mẫu tối đa 1000µl	Túi 500 cái	1
Q155	82	Đầu côn 100µl, 1000 µl	Đầu tip có lọc, vô trùng; Thẻ tích hút mẫu 100- 1000µl	Hộp 96 cái	1
Q156	83	Đầu côn 100µl, 1000µl	Đầu tip có lọc, vô trùng; Thẻ tích hút mẫu 100- 1000µl	Hộp 96 cái	1
Q157	84	Đĩa nhựa phi 90mm	Đĩa petri với kích thước đường kính 90mm cao 15mm. Sử dụng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Vật liệu: nhựa trong suốt và bề mặt phẳng thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát.	Bộ	1
Q158	85	Đĩa petri vô trùng 60mm	Đĩa petri với kích thước đường kính 60mm cao 15mm. Sử dụng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Vật liệu: nhựa trong suốt và bề mặt phẳng thuận	Bộ	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			tiện cho việc nuôi cấy và quan sát. Sản phẩm đã được tiệt trùng.		
Q159	86	Đĩa petri vô trùng 90mm	Đĩa petri với kích thước đường kính 90mm cao 15mm. Sử dụng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Vật liệu: nhựa trong suốt và bề mặt phẳng thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát. Sản phẩm đã được tiệt trùng.	Bộ	1
Q160	87	Kẹp inox	Kẹp được làm từ chất liệu thép không gỉ, hàng nhập khẩu trực tiếp. Kẹp được sử dụng trong phòng thí nghiệm/xét nghiệm để gấp băng gạc và các dụng cụ khác, sử dụng với các mục đích khác nhau.	Cái	1
Q161	88	Dao inox xét nghiệm	Dao được làm từ chất liệu thép không gỉ, được sử dụng trong phòng thí nghiệm/xét nghiệm để cắt, rạch bề mặt mẫu vật và các mục đích khác.	Cái	1
Q162	89	Thìa inox 16cm	Thìa được làm từ chất liệu thép không gỉ, sử dụng trong phòng thí nghiệm/xét nghiệm để định lượng hóa chất, môi trường và các vật liệu khác. Kích thước: chiều dài tổng thể 16cm	Cái	1
Q163	90	Kéo inox 16-18cm	Kéo được làm từ chất liệu thép không gỉ, sử dụng trong phòng thí nghiệm/xét nghiệm để cắt, mở các bề mặt mẫu vật, dụng cụ và đồ dùng khác. Chiều dài tổng thể từ 16-18 cm	Cái	1
Q164	91	Găng tay vô trùng	Găng tay y tế không bột (Polymer 2 mặt) Sản xuất từ cao su thiên nhiên trên dây truyền đạt tiêu chuẩn ISO9001:2008, có độ cong phù hợp, đàn hồi tốt, cường độ kéo đứt min 20 Mpa Hàm lượng bột: $\geq 2\text{mg/găng}$ Hàm lượng protein: $\geq 2\mu\text{g/dm}^2$ Sức kéo: Trước lão hóa: 6N min Sau lão hóa: 6N min	50 đôi/hộp	1
Q165	92	Giá cắm ống mẫu	Giá ống nghiệm inox dùng trong phòng thí nghiệm để chứa bảo quản và phơi khô ống nghiệm. Chất liệu inox. Thiết kế với nhiều ô nhỏ để đựng ống nghiệm.	Cái	1
Q166	93	Giấy bạc	Cuộn giấy nhôm (Aluminium foil) Kích thước: 45.7 cm x 7.62 m	Cuộn	1
Q167	94	Giấy bản			1
Q168	95	Gói kỵ khí Anaerocult A	Hóa chất tạo môi trường kỵ khí : Anaerocult A for microbiology Đóng gói: 10 bộ/hộp	Hộp	1
Q169	96	Kẹp mũi tròn			1
Q170	97	Lam kính	Lam kính kích thước khoảng 25 x 75 mm	Hộp	1
Q171	98	Màng lọc cellulose kích	Kích thước màng lọc: Ø47mm	Hộp	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		thước lỗ 0,45 µm	Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.45 µm		
Q172	99	Màng lọc cellulose kích thước lỗ 0,2 µm	Kích thước màng lọc: Ø 47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.22 µm	Hộp	1
Q173	100	Nước rửa/ Xà phòng	Nước rửa tay Thành phần: Water, Myristic Acid, Lauric Acid, Palmitic Acid, Glycerin, Citric Acid, Silver Oxide... Công dụng: Sản phẩm nước rửa tay, làm sạch tay, giúp loại bỏ vi khuẩn, khử mùi và loại bỏ dầu mỡ Trọng lượng: 180g	Chai 180g	1
Q174	101	Ống đong 500 mL	Dung tích: 500ml Giới hạn chính xác: 2.5mm Độ chia: 5mm Chiều cao: 360mm	Chiếc	1
Q175	102	Ống durham		Ống	1
Q176	103	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 18mm x 180mm	Ống nghiệm thủy tinh dùng để nuôi cấy tế bào, pha chế thí nghiệm, hoá chất, thực hiện các phản ứng hoá học. Kích thước ống: (đường kính x chiều dài): 18x180mm	Chiếc	1
Q177	104	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 20mm x 200mm	Ống nghiệm thủy tinh dùng để nuôi cấy tế bào, pha chế thí nghiệm, hoá chất, thực hiện các phản ứng hoá học. Kích thước ống: (đường kính x chiều dài): 20x200mm	Chiếc	1
Q178	105	pipet 10mL có vạch chia 1 mL	Pipet thủy tinh Chất liệu: Thủy tinh soda-lime Dung tích: 10ml Độ chia nhỏ nhất: 0.01ml Có vạch chia mỗi 1 ml	Chiếc	1
Q179	106	pipet 1mL có vạch chia 0,1 mL	Pipet thủy tinh Chất liệu: Thủy tinh soda-lime Dung tích: 1ml Độ chia nhỏ nhất: 0.01ml Có vạch chia mỗi 0.1 ml	Chiếc	1
Q180	107	Que cấy vi sinh nhựa	Que cấy vi sinh dùng trong phòng thí nghiệm khoa học. Chất liệu que cấy bằng nhựa với thiết kế dày dặn, chắc chắn, dễ thao tác. Đầu cấy dạng vòng (tròn).	Chiếc	1
Q181	108	Que cấy vi sinh platinum đầu tròn thể tích 10µl	Que cấy vi sinh dùng trong phòng thí nghiệm khoa học. Chất liệu que cấy bằng Platinum với thiết kế dày dặn, chắc chắn, dễ thao tác. Đầu cấy dạng vòng (tròn).	Chiếc	1
Q182	109	Túi đựng chất thải Y tế	Chất liệu: nhựa tự phân hủy sinh học HDPE/PP/PE Kiểu dáng: xếp hông hai bên, với các loại túi có kích thước lớn thì không xếp hông In ấn: In logo và các mức vạch theo quy định của Bộ y tế	Kg	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Kích thước: Tùy chọn theo nhu cầu Màu sắc: Xanh dương, vàng, đen, trắng Màu vàng : Chất thải lây nhiễm. Màu đen: Chất thải hóa học nguy hại tế bào Màu xanh : Chất thải thông thường Màu trắng : Chất thải có khả năng tái chế.		
	II.4	KSTCT			
Q183	1	Bình phun bằng tay nén khí	Dung tích bình chứa 11 - 15 lít, dung tích hóa chất 8 - 10 lít, Áp suất lớn nhất 0.7MPA, vật liệu bình chứa bằng thép không gỉ, Đầu vòi phun kiểu phun hình dẻ quạt, vật liệu miệng vòi phun bằng gốm Corundum, lưu lượng phun khoảng 757ml/phút ở 0.276MPA, vòi phun kiểu thẳng, chiều dài khoảng 50 cm có ren vặn, kích thước đường kính bình chứa khoảng 200mm, chiều cao khoảng 550mm - 615mm, khối lượng khoảng 5,8 - 6,4kg	Cái	1
Q184	2	Kính hiển vi	Kính hiển vi 2 mắt kèm phụ kiện tiêu chuẩn: - Thân kính: 01 cái - Đầu quan sát: 01 cái - Thị kính 10x: 02 cái - Mâm vật kính: 01 cái - Bàn di mẫu: 01 cái - Tụ quang: 01 cái - Bộ vật kính phẳng, vô cực, chống quang sai màu 4X, 10X, 40X và 100X đầu: 01 cái/ mỗi loại - Dầu soi : 01 chai - Bao phủ chống bụi : 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	Cái	1
Q185	3	Kính hiển vi soi nổi	model: SZ51 Hãng sản xuất: Olympus (evident)/Nhật Bản Trọng lượng: 3,5kg Kích thước: rộng 194mm x dài 253mm x cao 368mm Hệ thống quang học Greenough Phạm vi thu phóng: 0,8X x 4X Góc nghiêng 60 độ để quan sát Đèn LED chiếu sáng kết hợp chân đế phân xạ và truyền ánh sáng Thân kính cổ đỉnh: 01 cái Đầu kính: 01 cái Chân đế treo máy: 01 cái Thị kính: 02 cái Đĩa tròn 2 mặt: 01 cái Hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Cái	1
Q186	4	Bàn xét nghiệm	KT (Rộng x sâu x cao): 1200x750x800mm	chiếc	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			- Khung chính bằng thép hộp mạ kẽm 60x30mm, dày 1,4mm sơn tĩnh điện toàn bộ khung		
Q187	5	Tủ sấy nhiệt độ	- Thể tích: 75 lít- Kích thước trong rộng x cao x sâu: 400 x 560 x 330 mm- Kích thước ngoài: rộng x cao x sâu: 585 x 944 x 514 mm- Số khay: 02- Khoảng nhiệt độ hoạt động: nhiệt độ tối đa 300 độ C- Bảng điều khiển: Hiển thị bằng màn hình led, có thể hiển thị chỉ số được thiết lập, giá trị hoạt động và điều chỉnh nhiệt độ,- Có bộ đếm ngược cho thời gian cài đặt: 1 phút đến 99 ngày- Có chức năng setpointWAIT: thời gian xử lý không bắt đầu cho đến khi đạt được nhiệt độ cài đặt- Có chế độ kiểm soát nhiệt: Tự tắt khi nhiệt độ vượt quá nhiệt độ cài đặt	Cái	1
Q188	6	Bôm Canada	Bôm canada (Canada Balsam) còn được gọi là nhựa thông canada, là một loại nhựa tự nhiên được sử dụng để gắn kết. Canada Balsam được sử dụng làm keo dán lam giữ mẫu ở giữa lamên và lam kính. Keo gắn lam không tan trong nước dạng rắn và dạng lỏng	mL	1
Q189	7	Cloramin B 25 %	Clorine hoạt tính 25% Clorin Dạng bột màu trắng, mùi đặc trưng clo	g/m2 /bề mặt	1
Q190	8	Formaldehyde 40 %	Thông số FORMALDEHYDE - FORMON 40% Tên thường gọi: Formal, Formaldehyde, Formon -Độ axit: ≤ 200 -Methanol: ≤ 3,0% -Tỉ trọng: 1.1020-1.1120 -Lượng PH: 2,7 – 4,2 -Ngoại quan: Thở lỏng, không màu, trong suốt	mL	1
Q191	9	Nước cất	Nước cất là nước tinh khiết, nước nguyên chất, được điều chế bằng phương pháp chưng cất Thành phần nước cất hoàn toàn không chứa các tạp chất hữu cơ hay vô cơ	mL	1
Q192	10	Alpha-cypermethrin	Alpha-cypermethrin có công thức hóa học C ₂₂ H ₁₉ Cl ₂ NO ₃ là một loại hóa chất thuộc nhóm Pyrethroid, được sử dụng rộng rãi như một chất diệt côn trùng. Nó là một dạng tổng hợp của Pyrethrin, một hợp chất tự nhiên được tìm thấy trong hoa của một số loài cây Pyrethrum. Alpha – cypermethrin có cấu trúc hóa học dựa trên dẫn xuất của Pyrethrin.	Gram	1
Q193	11	axit acetic 10%	Axit axetic CH ₃ COOH là chất lỏng không màu, có vị chua và tan hoàn	ml	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			toàn trong nước		
Q194	12	Beta-cyfluthrin	Công thức hóa học C ₂₂ H ₁₈ Cl ₂ FNO ₃ , Điểm nóng chảy: 60°C, thuộc nhóm Pyrethroids, độ hòa tan nước 2µg/L, là tinh thể không màu, ít hòa tan trong nước ở nhiệt độ 20°C, dễ hòa tan trong hầu hết các dung môi	mg/ m ² bề mặt	1
Q195	13	Cypermethrin	Cypermethrin là một hoạt chất nhóm Cúc tổng hợp (Pyrethroid), không mùi, có màu vàng nâu và ít tan trong nước, tuy nhiên, cypermethrin hòa tan tốt trong dung môi hữu cơ. Công thức hóa học C ₂₂ H ₁₈ Cl ₂ NO ₃	mg/ m ² bề mặt	1
Q196	14	Đường glucose	là một monosaccarit có công thức phân tử C ₆ H ₁₂ O ₆	Kg	1
Q197	15	Ether ethylic	Ethyl Ether hay còn được gọi là ête ethyl, ether đơn giản, hoặc ethoxyethane - là một hợp chất hữu cơ trong ether lớp học với công thức (C ₂ H ₅) ₂ O	ml	1
Q198	16	Hóa chất diệt côn trùng dạng nguyên liệu hoặc chế phẩm	Technical grade là chất lỏng không màu đến chất lỏng màu vàng, trọng lượng phân tử: 296.49 g/mol, độ hòa tan: 1 mL có thể trộn được trong 1 mL rượu khan, giá trị axit: ≤ 5, giá trị iôt: 85 - 120, giá trị xà phòng hóa: 180 - 195, điểm chớp cháy (°F): 235,4 °F, điểm chớp cháy (°C): 113 °C	Gói	1
Q199	17	Hóa chất, hoạt chất diệt LQBG được Bộ y tế cấp phép lưu hành	Chế phẩm diệt bọ gây – lăng quăng Aquastrike VCF, thành phần Polydimethylsiloxane (PDMS).....78% w/v, Phụ giađủ 100%	chai/lo/túi/gói	1
Q200	18	Hydramethylnon	Hydramethylnon công thức hóa học C ₂₅ H ₂₄ F ₆ N ₄ , khối lượng mol, 494,4753 g/mol, điểm nóng chảy 185,0 - 190,0 °C, vẻ bề ngoài bột tinh thể màu vàng đến cam	Tuyp	1
Q201	19	Imidacloprid	Imidacloprid công thức hóa học: C ₉ H ₁₀ ClN ₅ O ₂ . Dạng hoạt chất: Chất rắn tinh thể màu trắng, không mùi	Gram	1
Q202	20	Lambda-cyhalothrin	Lambda-cyhalothrin công thức hóa học C ₂₃ H ₁₉ ClF ₃ NO ₃ , đặc điểm nóng chảy 449°C, là chất rắn màu trắng, hoặc lỏng nhớt màu vàng đến nâu	Chai	1
Q203	21	Permethrin	Hoạt chất tổng hợp thuộc nhóm Pyrethrins	Chai	1
Q204	22	Permethrin 50EC	Thành phần Permethrin 50% W/v, Dung môi và chất nhũ hóa 50% W/v	mg/ m ² bề mặt	1
Q205	23	Thiamethoxam	Thiamethoxam có công thức: C ₈ H ₁₀ ClN ₅ O ₃ S, Khối lượng phân tử: 291,71 g·mol ⁻¹ , Tỷ trọng: 1,57 g/ cm ³ , Độ nóng chảy: 139,1, Độ	Gói	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			hòa tan trong nước: 4,1 g/L, Độ độc: Độc III; LD50 qua đường miệng 1563 mg/kg, LD50 qua da >2000 mg/kg.		
Q206	24	Paraffin	Thành phần: hỗn hợp nhiều hydrocarbon từ dầu hỏa màu sắc: màu trắng, tinh khiết, không độc tác dụng: gắn cố định tiêu bản côn trùng, giúp mẫu vật không bị mốc.	gam	1
Q207	25	Aceton	> 99,5%, CH_3COCH_3 , đóng chai 500ml	mL	1
Q208	26	Diethyl ether	(C_2H_5) ₂ O, Chai thủy tinh, Khối lượng đóng chai 1 lít	ml	1
Q209	27	Dung dịch axit acetic 5%	Chai thủy tinh, đóng chai 500mL	mL	1
Q210	28	Dung dịch Euparal essence	Khử khuẩn, làm mềm mô, dễ quan sát mẫu vật dưới kính hiển vi.	mL	1
Q211	29	Dung dịch Glucose 10%	Đóng trong chai nhựa, hàm lượng 500mL	mL	1
Q212	30	Dung dịch NAOH 10%	Dung dịch Sodium hydroxide, Hàm lượng 10%	ml	1
Q213	31	Naphtalen dạng bột	C_{10}H_8 , đóng gói 250g/lọ	gam	1
Q214	32	Biển báo phun khử khuẩn	Kích thước: Cao 60cm, rộng 30cm, sâu 20cm - Màu sắc: Vàng với chữ và họa tiết đỏ nổi bật - Chất liệu: Polypropylene (nhựa kỹ thuật cao) - Nội dung cảnh báo: KHU VỰC PHUN KHỬ KHUẨN - Kiểu dáng: Chữ A gấp gọn, đặt trực tiếp trên mặt đất hoặc treo tường - Khả năng chống chịu: Chống thấm nước, phai màu, chịu được ánh sáng mặt trời và điều kiện thời tiết khắc nghiệt	Cái	1
Q215	33	Biển báo sàn ướt	Kích thước: Cao 60cm, rộng 30cm, sâu 20cm - Màu sắc: Vàng với chữ và họa tiết đỏ nổi bật - Chất liệu: Polypropylene (nhựa kỹ thuật cao) - Nội dung cảnh báo: CHÚ Ý SÀN ƯỚT - Kiểu dáng: Chữ A gấp gọn, đặt trực tiếp trên mặt đất hoặc treo tường - Khả năng chống chịu: Chống thấm nước, phai màu, chịu được ánh sáng mặt trời và điều kiện thời tiết khắc nghiệt	Cái	1
Q216	34	Bình xịt bóp tay 200 ml	Bình xịt rộng, chất liệu nhựa trong suốt, kích thước 200 ml, phun sương mịn liên tục, dễ nạp lại	Cái	1
Q217	35	Đầu côn (típ) thể tích 2 - 200 μl	Đầu tips 2 - 200 μl được sản xuất bằng nhựa PP chất lượng cao, có thể hấp ở	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			nhệt độ 121 °C (2 bar) theo tiêu chuẩn DIN EN 285.Đầu tip chia nắp ở hai thể tích 20 và 100 µl, chiều dài đầu tip 50 mm.		
Q218	36	Đồng phục (áo,nón) cho thành viên đội diệt LQBG	Áo thun có các loại size, in logo khẩu hiệu diệt LQBG	Cái	1
Q219	37	Giày	Màu sắc: màu trắng Kích thước: có các kích cỡ từ size 35 đến size 47 Giày được làm từ PVC có độ bền cao, ma sát lớn, chống trơn trượt, chống thấm nước và các dung dịch hóa chất có tính tẩy rửa	Đôi	1
Q220	38	Giấy thấm đa năng	Chất liệu: Polypropylene (PP) Quy cách đóng gói: Dạng cuộn: 40 (cm) x 50 (m) có thể có lỗ chấm thấm hút dầu hiệu quả, có đường dập sẵn để xé ra thành từng tờ nhỏ 40cmx50cm nhỏ dễ dàng khi cần nhằm tiết kiệm khi sử dụng. Khả năng thấm hút: 120 lít/cuộn và 1,2 lít/tờ	Cuộn	1
Q221	39	Giấy vệ sinh	Định lượng: 17±2gsm x 2 lớp Trọng lượng: 100g/cuộn Chiều cao cuộn giấy: 10cm Chiều dài tờ giấy: 10,5cm Chiều dài cuộn giấy: ±29m	Cuộn	1
Q222	40	Kính lúp	Kính lúp cầm tay có đèn led chiếu sáng 5x - 10x Kích thước: dài x rộng x dày: 270mm x 145mm x 28mm Độ phóng đại: 5X - 10X Trọng lượng đóng hộp: 350g Kính lúp được tích hợp 3 đèn led siêu sáng chiếu sáng khi soi mẫu Sử dụng 3 pin AAA 1.5V Kích thước trông kính nhỏ: đường kính 25mm có độ phóng đại 10x Kích thước trông kính lớn: đường kính 130mm có độ phóng đại 5x	Cái	1
Q223	41	Khăn cotton lau bề mặt đồ vật	Khăn cotton 30x40, Chất liệu vải cotton có độ thấm hút tốt, hiệu suất làm sạch cao, không để lại bụi bẩn trên bề mặt đồ vật	Cái	1
Q224	42	Kính	Dòng kính an toàn 334 chống hóa chất, có lỗ thông khí kín, dây mang điều chỉnh được, trông kính bằng vật liệu polycarbonate. Sử dụng trong nhà hoặc ngoài trời. Kính an toàn chống hóa chất 334, vật liệu polycarbonate, dây mang điều chỉnh được. Có van thông khí gián tiếp tạo sự thông thoáng. • Màu trong suốt.	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			• Vật liệu Polycarbonate hấp thụ 99.9% UV.		
Q225	43	Lọ đựng tiêu bản thủy tinh 5ml	Dung tích: 5ml Màu sắc: Trắng, nâu Chất liệu: Thủy tinh cao cấp với nắp vặn bằng nhựa PE, có đệm bằng PP Mức độ sốc nhiệt: 41°C Dung sai nhiệt độ: 120°C Hình dạng: Hình trụ	Cái	1
Q226	44	Loa cầm tay	Sử dụng mạch khuếch đại công suất lớn Loa công suất 100W Âm thanh âm, tiếng bass mạnh Hỗ trợ phát nhạc qua cổng USB, thẻ nhớ SD, cổng AUX Trở kháng loa 8Ω Sử dụng nguồn pin sạc 2200mAh hoặc 8 pin C (không kèm theo) Có thời gian hoạt động lâu dài Hỗ trợ micro có dây Hỗ trợ chức năng ghi âm trộn nguồn từ mic Chất lượng âm thanh tốt trong khoảng cách 1000m Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ	Cái	1
Q227	45	Micropipet đơn kênh 20 - 200 µl	Dung tích: 20-200µl Bước điều chỉnh: 0.2ul Sai số: $A \leq \pm 0.6\%$; $CV \leq 0.2\%$ Nửa dưới của micropipet có thể chịu đựng khử trùng bằng nồi hấp ở 121°C trong 20 phút Trọng lượng nhẹ, thiết kế gọn gàng, dễ sử dụng Tay cầm chắc chắn Thao tác bằng một tay cho cả người thuận tay phải và tay trái Pít-tông chống ăn mòn Khóa điều chỉnh thể tích ngăn chặn sự thay đổi thể tích ngoài ý muốn trong quá trình trộn Thiết kế phù hợp với nhiều loại đầu tip	Cái	1
Q228	46	Mũ	Mũ trùm đầu, Chất liệu: Vải PP không dệt Màu sắc: Xanh da trời	Cái	1
Q229	47	Dầu DO	Có tên gọi khác dầu Diesel , có tỷ trọng nặng hơn nhiều so với xăng và dầu lửa, màu vàng nhạt, dễ cháy, không có tính ăn mòn thiết bị khi sử dụng.	Lít	1
Q230	48	Giấy nhôm kích thước 30 cm x 5 m	là một loại giấy được phủ một lớp mỏng bằng nhôm, giấy nhôm có kết cấu đơn giản, một mặt bóng và một mặt nhám mờ giúp tăng khả năng phản xạ nhiệt	Cuộn	1
Q231	49	Mặt nạ phòng độc	bao gồm các bộ phận: Vỏ mặt nạ phòng độc bộ phận này được làm từ hai chất liệu cao cấp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc bảo hộ là Silicon và Polycarbonate. Cả hai chất liệu này	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			đều có đặc tính nổi trội là độ kín cao nhưng vẫn đảm bảo giúp người sử dụng cảm thấy thoải mái khi đeo. Để có thể hạn chế tối đa các loại không khí độc hại từ môi trường xâm nhập vào đường hô hấp của cơ thể con người, phin mặt nạ phòng độc Thành phần của mặt nạ phòng độc không thể thiếu phin lọc trong mặt nạ phòng độc chất được sử dụng để giúp loại bỏ bụi bẩn, khí độc gây hại, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động là than hoạt tính, van dẫn khí có chức năng dẫn không khí vào phin lọc và van thải. Thế nên, khi sử dụng bạn cần kiểm tra thật kỹ lưỡng bộ phận van dẫn khí để đảm bảo nó không bị hỏng. Vì nếu van dẫn khí bị hỏng thì sẽ rất dễ dẫn đến tình trạng khí độc sẽ qua ống dẫn đi thẳng vào mũi.		
Q232	50	Máy hút muối cầm tay	Cấu tạo gồm thân máy bằng chất liệu nhựa, có ống hút, sử dụng pin	Cái	1
Q233	51	Nhiệt ẩm kế	Phạm vi đo nhiệt độ: -20°C~+60°C, Hiển thị độ phân giải nhiệt độ : 0,1°C (~0,2°F), Độ chính xác đo nhiệt độ : : ±1.0°C, Thời gian lấy mẫu nhiệt độ : 10 giây, Phạm vi đo độ ẩm tương đối : 10%RH~99%RH, Độ phân giải độ ẩm tương đối : ±1 %RH.Độ chính xác đo độ ẩm tương đối : +5 %RH (Trong phạm vi 30%RH~90%RH)	Cái	1
Q234	52	Nhớt	Thành phần: Dầu gốc và phụ gia chuyên dụng cao cấp	Lít	1
Q235	53	Nước giặt	Cấu trúc hóa học chung cho phân tử chất giặt rửa: gồm 1 đầu ưa nước là nhóm COO-Na ⁺ gắn với 1 đuôi dài ưa dầu mỡ (kị nước) là nhóm -CxHy.	mL	1
Q236	54	Quần áo dài tay	Bằng chất liệu vải cotton đặc điểm rất dễ nhuộm màu, độ bền vượt trội, có khả năng siêu thấm hút mồ hôi cũng như tạo nên sự thoáng mát dễ chịu cho người mặc.	Bộ	1
Q237	55	Xà phòng rửa tay	Xà phòng rửa tay là hỗn hợp các muối sodium (Na) hoặc potassium (K) của acid béo và một số chất phụ gia, các acid béo thường là acid no như palmitic acid, stearic acid, Chất phụ gia được dùng thường là chất độn làm tăng độ cứng để dễ đúc thành bánh, chất tạo màu và chất tạo hương.	Gram	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q238	56	Xăng	Xăng là hỗn hợp của các chất hydrocarbon không thơm (aliphatic hydrocarbon). Nói cách khác, xăng là nhóm hợp chất hữu cơ có công thức phân tử C_nH_{2n+2} , gồm mạch carbon thẳng chứa từ 7 – 11 nguyên tử C, và các nguyên tử hydrogen	Lít	1
Q239	57	Áo mưa cá nhân	Chất liệu PE chính phẩm chống thấm nước Độ dày: 0,12 mm Kích cỡ: rộng 65cm x cao 60cm Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
Q240	58	Bàn chải nhựa	Chất liệu cứng, nhựa Kích thước: dài 10cm x rộng 4,8cm x cao 4cm Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
Q241	59	Bảng định loại muỗi Anopheninae ở Việt Nam năm 2006	Xuất bản: 2006 tại Viện Sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng Trung ương Mô tả ngắn gọn đặc điểm định loại và phân hình ảnh minh họa đã nêu trong phần lời, có thể phân biệt được 62 loài	Quyển	1
Q242	60	Băng rôn tuyên truyền	Kích thước: 1m x 5m Chất liệu: hiflex (thành phần nhựa công nghiệp PVC màu đỏ Truyền tải thông điệp về hoạt động diệt LQ/BG phòng chống bệnh do muỗi truyền.	Cái	1
Q243	61	Bao nilon đáy nắp dụng cụ chứa nước	Kích thước: khổ 2m Chất liệu: nhựa PE	Cuộn	1
Q244	62	Cá nhỏ (cá lia thia, cá bảy màu...)	Cá cảnh nước ngọt phổ biến, sinh sản nhanh Cá cái dài 2,5-4cm, cá đực dài 2-3cm Vai trò: sinh vật kiểm soát muỗi, diệt LQ/BG và làm giảm sự sinh sản của muỗi truyền bệnh	Con	1
Q245	63	Chậu nhựa đường kính 25 cm	Kích thước: đường kính miệng 25cm, đường kính đáy 15cm, chiều cao 8cm chất liệu: nhựa PP	Cái	1
Q246	64	Cốc inox đường kính 10cm, cao 10cm	kích thước: cao 10cm, đường kính 10cm chất liệu: inox 430 màu sắc: trắng bạc	Cái	1
Q247	65	Đèn cò	Có 4 bộ phận: +Bầu đựng cò: làm bằng thủy tinh, chứa cò để làm nguyên liệu thắp sáng đèn+Bắc đèn cò: là một loại dây được dệt bằng sợi bông. Một phần của nó được đặt trong bầu đựng cò nhúng cò để dẫn cò lên, một hàn cò lại nhô lên khỏi bắc đèn và được điều chỉnh độ dài bởi núm vặn. Khi dây bắc đã nắm cò, ta châm lửa vào sẽ tạo ánh sáng xanh.+Núm vặn dây bắc: bộ phận để chỉnh độ dài ngắn của dây bắc. nó được gắn với trục đèn và được làm bằng một bánh răng	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			kim loại có gắn với sợi bắc đèn+Chụp đèn: được làm bằng thủy tinh hay kim loại. Bộ phận giúp bắc đèn khỏi bụi bẩn. Ngoài ra, nó còn tác dụng dập tắt ngọn lửa đèn còn đang cháy bằng cách đẩy lại.		
Q248	66	Đèn pin	Đèn pin cầm tay dung lượng pin: 1.600mAh Thời gian sử dụng: sáng mạnh (1h), sáng yếu (4h) thời gian sạc điện: 12h màu sắc: trắng công suất: 5W nguồn điện: 220V-240V xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
Q249	67	Đĩa Petri thủy tinh kích thước 60x15mm	Kích thước: 60x15mm Hãng: Duran- xuất xứ: Đức bề mặt nắp phẳng, không bọt và vết thủy tinh dùng trong các ứng dụng sinh học, y tế, cây vi sinh, quan sát bằng kính hiển vi	Cái	1
Q250	68	Đĩa Petri thủy tinh kích thước 80x15mm	Kích thước: 80x15mm Hãng: Duran- xuất xứ: Đức bề mặt nắp phẳng, không bọt và vết thủy tinh dùng trong các ứng dụng sinh học, y tế, cây vi sinh, quan sát bằng kính hiển vi	Cái	1
Q251	69	Khay nhựa trắng kích thước 30 x 25 x 5 cm	chất liệu: nhựa PP chứa nước trong các thí nghiệm hóa học, sinh học.	Cái	1
Q252	70	Khóa định loại muỗi (Diptera: culicidae) đến giống và khóa định loại đến loài thuộc giống culex và lutzia ở Việt Nam năm 2016	Xuất bản: 2016 Viện sốt rét - ký sinh trùng-côn trùng Trung ương	Quyển	1
Q253	71	Khóa định loại muỗi đến loài của các giống thuộc phân họ Culicinae ở Việt Nam năm 2019	Giấy bìa cứng A4, in màu, in 20 trang	Quyển	1
Q254	72	Kính lúp cầm tay 10x	Kính lúp cầm tay có đèn led chiếu sáng 5x - 10x Kích thước: dài x rộng x dày: 270mm x 145mm x 28mm Độ phóng đại: 5X - 10X Trọng lượng đóng hộp: 350g Kính lúp được tích hợp 3 đèn led siêu sáng chiếu sáng khi soi mẫu Sử dụng 3 pin AAA 1.5V Kích thước trông kính nhỏ: đường kính 25mm có độ phóng đại 10x Kích thước trông kính lớn: đường kính 130mm có độ phóng đại 5x	Cái	1
Q255	73	Nhíp thẳng không mẫu	kích thước: dài 14cm	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		dài 14cm	chất liệu: thép inox không gỉ		
Q256	74	Phiếu cam kết loại trừ LQBG trong và xung quanh nhà	Phiếu cam kết loại trừ LQBG trong và xung quanh nhà chất liệu giấy trắng A4	Phiếu	1
Q257	75	Phiếu ghi thông tin hoạt động diệt LQBG phòng chống bệnh do muỗi vằn truyền	Phiếu ghi thông tin hoạt động diệt LQBG phòng chống bệnh do muỗi vằn truyền chất liệu giấy trắng A4	Phiếu	1
Q258	76	Phiếu khảo sát LQBG tại thực địa	Phiếu khảo sát LQBG tại thực địa chất liệu giấy trắng A4	Phiếu	1
Q259	77	Phiếu tổng kết khảo sát LQBG tại thực địa	Phiếu tổng kết khảo sát LQBG tại thực địa chất liệu giấy trắng A4	Phiếu	1
Q260	78	Vợt lọc nước	Vợt nano siêu nhỏ, mắt lưới rất nhỏ kích thước đường kính 7cm, chiều dài cán vợt 25-30 cm cán vợt chống gỉ	Cái	1
Q261	79	Tấm xốp trắng kích thước 10xm x 10cm x2cm	chất liệu: xốp Kích thước 10cm x 10cm x 2cm	Cái	1
Q262	80	Thìa inox dung tích 1ml	Thìa được làm từ chất liệu thép không gỉ, sử dụng trong phòng thí nghiệm/xét nghiệm để định lượng hóa chất, môi trường và các vật liệu khác. Dung tích 1ml	Cái	1
Q263	81	Tờ áp phích tuyên truyền	chất liệu PP, kích thước khổ A4-A0	Tờ	1
Q264	82	Tờ rơi tuyên truyền	Tờ rơi chất liệu giấy Ford, giấy Duplex, giấy Crystal, giấy Bristol... khổ A4,A5	Tờ	1
Q265	83	Tuýp thủy tinh để gây mê dài 7,5cm x 2,4cm	thành phần: thủy tinh borosilicat khăn băng chống thủy phân mạnh và độ bền tuyệt đối với các chất ăn mòn. Kích thước: 18 x 180mm	Cái	1
Q266	84	Tuýp thủy tinh thùng 2 đầu dài 18 cm, đường kính 1,5 cm	thành phần: thủy tinh borosilicat khăn băng chống thủy phân mạnh và độ bền tuyệt đối với các chất ăn mòn. Kích thước: 15 x 180mm	Cái	1
Q267	85	Bếp điện đơn nguồn điện 220V	Công suất 500W,Chất liệu gang, Inox 304, nhựa ABS cách nhiệt	Chiếc	1
Q268	86	Bông mỡ không thấm nước	Bông không hút nước, đóng gói 1kg	gam	1
Q269	87	Bông y tế thấm nước	Bông thấm hút nước, đóng gói 1kg	gam	1
Q270	88	Cân điện tử mini	d=0,01; min=0,1mg, max=200g - Phương định lượng: cảm biến từ - Kích thước đĩa cân: 5x5,6cm (đĩa cân bằng inox) - Kích thước cân: 12x6x2cm - Nguồn điện sử dụng: 2Pin AAA	Cái	1
Q271	89	Cây lau nhà	Cây lau tự vắt kt: 92x12cm (thu gọn); 150x12cm (kéo ra)	Cái	1
Q272	90	Giá để lam	12 vị trí xếp tiêu bản, KT: 76x 26mm	Cái	1
Q273	91	Giấy thấm (giấy lọc định tính)	Hộp 100 tờ giấy lọc định tính Ø 15cm	Hộp	1
Q274	92	Gôm gắn tiêu bản	Keo dán lam kính(Gôm mouting medium) đóng lọ: 118mL/lọ	ml	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q275	93	Hộp đựng tiêu bản	Chất liệu nhựa ABS, đựng được 50 tiêu bản	Hộp	1
Q276	94	Khay đựng mẫu	Chất liệu nhôm, KT: 300x220x50 mm	Cái	1
Q277	95	Khay men	Khay men trắng sứ, KT: 32x43x3cm	Cái	1
Q278	96	Kim cắm côn trùng bằng thép không gỉ dài 4cm	Gói 100 kim, Chất liệu: Thép không gỉ, kt: dài 4cm, đk: 0,38mm	Cái	1
Q279	97	Lam kính 25x75mm	Hình chữ nhật, bằng thủy tinh, không rạn nứt, trơn láng; Kích thước khoảng: 25 x 75 mm; Độ dày khoảng: 1-1,6mm	Cái	1
Q280	98	Lamen 18x18mm	Bảng thủy tinh chất lượng, đảm bảo khả năng truyền ánh sáng tối ưu, giúp hình ảnh sắc nét; KT: 18x18mm	Cái	1
Q281	99	Lamen 20x20 mm	Bảng thủy tinh chất lượng, đảm bảo khả năng truyền ánh sáng tối ưu, giúp hình ảnh sắc nét; KT: 20x20mm	Cái	1
Q282	100	Lọ thủy tinh hình trụ	nắp inox 1,25L x 11cm x cao 2,7cm	Cái	1
Q283	101	Lọ Vial	Chất liệu Thủy tinh, nắp nhựa, 5mL	Cái	1
Q284	102	Máy sấy cầm tay 1800W	Công suất 1800W, kt: 8x32x20cm	Cái	1
Q285	103	Ống hút bọt gậy nhựa 15 cm	Bộ vì pipet 5mL cũng hút được bọt gậy	Hộp	1
Q286	104	Pipet nhựa 3ml	Chất liệu nhựa trắng, có chia vạch, hút được 3mL	Cái	1
Q287	105	Pipet nhựa 5ml	Chất liệu nhựa trắng, có chia vạch, hút được 5mL	Cái	1
Q288	106	Tuýp thủy tinh có nút bấc	Chất liệu thủy tinh, đáy bằng có nút bấc, dài 8 cm, đường kính 1,4 cm	Cái	1
Q289	107	Băng dính vải y tế 1,5 cm	Chất nền được làm bằng vải lụa mềm mại được bao phủ bằng lớp keo dính, - Kích thước đúng: 1,25cm x 5m.	Cuộn	1
Q290	108	Bát nhựa đường kính 15cm	Chất liệu: nhựa Kích thước đường kính bát 15 cm	Cái	1
Q291	109	Bình định mức 1000 mL	- Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A. - Dung tích: 1000ml. - Đường kính: 125mm. - Chiều cao: 300mm. - Cổ: 23 ± 2 mm. - Độ chia nhỏ nhất: 0.4mm. - Kích thước nút: 24/29.	Cái	1
Q292	110	Bộ dụng cụ thử nghiệm	Ống nhựa cứng, trong suốt, hình trụ, chiều dài 125 mm và đường kính 44 mm, hai đầu ống có ren: một đầu lắp vào nắp đáy có lưới nhựa, một đầu nắp vào tấm đế bao gồm: - Ống có chấm đỏ và Ống có chấm xanh	Cái	1
Q293	111	Bộ micropipette (100 µL, 200 µL và 1000 µL): 01 bộ;	1. MicroPipette 10-100 microlits: Model: RBO-100 Thể tích có thể đặt: từ 10 µl đến 100 µl Bước điều chỉnh: 0,2 µl Sai số: ± 0,6 µl Hệ số biến thiên: ± 0,2 µl 2 .MicroPipette 20–200 microlits:	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Model: RBO-1000 Thể tích: từ 20 µl đến 200 µl Bước điều chỉnh: 0,2 µl Độ chính xác: ± 1,2 µl Hệ số biến thiên: ± 0,4 µl		
Q294	112	Chai thủy tinh trung tính Duran dung tích 250 mL, có nắp vặn:	+ Đường kính cổ: 70mm. + Chiều cao: 143mm. - Thang chia vạch dễ đọc. - Đồng bộ với chai gồm nắp vặn xanh nhựa PP, và vòng đệm PP	Chai	1
Q295	113	Chun vòng	Chất liệu: Cao su tự nhiên Quy cách: 500g/ túi Loại: Dây chun buộc Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
Q296	114	Cốc đong nhựa 100 mL có chia vạch	Cốc đong đo lường chia vạch 100ml trong suốt nhựa PVC dung tích 100ml kích thước 6x7cm	Cái	1
Q297	115	Cốc nghỉ dung tích 450mL	Cốc đong thí nghiệm (thủy tinh) chuyên dùng để chứa và đo lường thể tích dung dịch trong phòng thí nghiệm. Có miệng rót và trên thân cốc có vạch chia rõ ràng để dễ dàng định lượng được thể tích dung dịch. Dung tích 450ML	Cái	1
Q298	116	Cốc thủy tinh 50 mL	Chất liệu: thủy tinh trong suốt, chịu nhiệt tốt, khả năng chịu va đập cơ học tương đối tốt, thành bình dày 1.5mm chắc chắn	Cái	1
Q299	117	Đầu côn dùng một lần cho micropipette (100 µL, 200 µL và 1000 µL);	Sản phẩm phần nhiều được làm từ nhựa polypropylene tinh khiết 100%. Sản phẩm đầu tích có: 10 uL, 200 uL, 1000 uL và 5000 uL -Kích cỡ đóng gói : 1000 cái/ 1 túi hoặc 250 cái/ 1 túi và 96 cái/ 1 hộp.	Cái	1
Q300	118	Đồng hồ hẹn giờ	Phạm vi hẹn giờ (đếm ngược): Từ 1 giây đến 23 giờ 59 phút 59 giây. Chuông báo/đèn báo : 60 giây Chất liệu : Nhựa ABS, linh kiện điện tử Kích thước : 81 x 78 x 22 mm Kích thước màn hình: 63 x 30 mm Trọng lượng : 64g Màu sắc: Hồng, đen, xanh lá, xanh dương Nguồn: 1 pin AAA thông dụng, dễ dàng thay thế	Cái	1
Q301	119	Đũa thủy tinh đường kính 0,2 mm	Đũa thủy tinh đường kính 0,2 mm	Cái	1
Q302	120	Giá để chai kích thước 45 cm x 60cm	Giá để chai bằng gỗ kích thước 45 cm x 60cm	Cái	1
Q303	121	Giấy cân	Bề mặt giấy cân mịn; phù hợp để chuyển vật liệu cân. Chất liệu sản xuất giấy cân sạch, không bụi, dùng một lần, loại bỏ lo lắng về ô nhiễm chéo. Trọng lượng giấy cân nhẹ nhưng đủ	Tờ	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			dai để chứa các mẫu vật liệu cần phân tích. Kích thước: 100x100mm		
Q304	122	Giấy đối chứng tẩm dầu	Đại học Sains Malaysia sản xuất và cung cấp, được đóng trong hộp nhựa, mép xung quanh hộp bao kín bằng băng dính, mỗi hộp đựng 8 tờ giấy).	Hộp	1
Q305	123	Giấy tẩm hóa chất diệt côn trùng	Đại học Sains Malaysia sản xuất và cung cấp, được đóng trong hộp nhựa, mép xung quanh hộp bao kín bằng băng dính, mỗi hộp đựng 8 tờ giấy).	Hộp	1
Q306	124	Kẹp thẳng không máu dài 10cm	Chất liệu bằng thép không gỉ y tế an toàn và bền đẹp hợp quy chuẩn của Bộ Y Tế. anh - Pen kẹp phẫu thuật 16cm, thẳng, không máu	Cái	1
Q307	125	Khăn bông 20 cm x 40cm	Chất liệu : Sợi cotton 100% thiên nhiên - Kích thước : 20cm x 40cm	Cái	1
Q308	126	Khẩu trang (4 lớp than hoạt tính)	Khẩu trang than hoạt tính Hamita H80+ 4 lớp bảo vệ mặt cao cấp, giúp ngăn ngừa giọt bắn, vi khuẩn và khói bụi. Đồng thời, khẩu trang được thiết kế thoáng khí, dây đeo mềm mại mang lại cảm giác thoải mái trong thời gian dài sử dụng.	Cái	1
Q309	127	Lọ thủy tinh tối màu (100-1000 mL)	Chất liệu: Thủy tinh cường lực trung tính – Dung tích: 1000ml – Loại nắp: Nắp nhựa vận có garanty, nút chặn trong chống tràn – Kiểu dáng: Đáy tròn	Lọ	1
Q310	128	Lồng muối kích thước 30 cm x30cm x30cm	Khung inox phi 6mm KT 30 cm x30cm x30cm	Cái	1
Q311	129	Màn	Màn tuyn xuất khẩu loại 1m2 là sản phẩm có chất lượng cao giữ cho bạn an toàn đối với muỗi có mang ký sinh trùng sốt rét. - Dệt từ sợi polyester-75 denier - sợi đa (32 sợi tơ), có độ bền rất cao. Định hình ở nhiệt độ cao, tạo cho mắt lưới tuyn rất ổn định, thoáng, mát. - Màn tuyn được dệt và may bằng kỹ thuật tiên tiến, Đặc biệt đường can thân màn bằng đường may đôi, các góc màn đều có may các miếng đắp góc, tăng cường sức chịu lực và có các dây tai rất thuận tiện cho việc sử dụng màn. - Xuất xứ: Việt Nam. - Kích thước: Dài 2m x Rộng 1.2m x Cao 1.7m (có sai số). - Kích thước lỗ: 25 lỗ/cm2. - Màu sắc: màu trắng	Cái	1
Q312	130	Ống hút muỗi	Ống nghiệm thủy tinh hở hai đầu	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Kích thước ống: (đường kính x chiều dài): 18x180mm		
Q313	131	Ống hút thủy tinh	Pipet thủy tinh Chất liệu: Thủy tinh soda-lime Dung tích: 1ml Độ chia nhỏ nhất: 0.01ml Có vạch chia mỗi 0.1 ml	Cái	1
Q314	132	Panh kẹp	Chất liệu bằng thép không gỉ y tế an toàn và bền đẹp hợp quy chuẩn của Bộ Y Tế. anh - Pen kẹp phẫu thuật 16cm, thẳng, không máu	Cái	1
Q315	133	Phiếu ghi kết quả thử nghiệm	Phiếu ghi kết quả thử nhạy cảm chất liệu giấy A4 trắng	Tờ	1
Q316	134	Phiếu ghi kết quả thử nhạy cảm	Phiếu ghi kết quả thử nhạy cảm chất liệu giấy A4 trắng	Tờ	1
Q317	135	Quần áo bảo hộ cấp độ 2	ồ bảo hộ y tế phòng dịch level 2 hay còn gọi là đồ phòng dịch cấp độ 2, là bộ quần áo vải không dệt PP dùng 1 lần,... Được sản xuất từ chất liệu vải không dệt PP, dễ sử dụng, không gây khó chịu cho người sử dụng. Chất liệu vải không dệt sau khi hủy bỏ sẽ dễ dàng phân hủy, rất thân thiện với môi trường.	Bộ	1
Q318	136	Que khuấy	Que gỗ tròn chắc chắn, màu sắc đẹp Chiều dài : dài 80cm Đường kính: 5mm (5ly) Trọng lượng: 500g Chất liệu: Tre	Cái	1
Q319	137	Que khuấy dài 80 cm	Que gỗ tròn chắc chắn, màu sắc đẹp Chiều dài : dài 80cm Đường kính: 5mm (5ly) Trọng lượng: 500g Chất liệu: Tre	Cái	1
Q320	138	Thìa cân	Thìa được làm từ chất liệu thép không gỉ, sử dụng trong phòng thí nghiệm/xét nghiệm để định lượng hóa chất, môi trường và các vật liệu khác. Kích thước: chiều dài tổng thể 16cm	Cái	1
Q321	139	Thùng nhựa 20L	20 lít được sản xuất bằng 100% nguyên liệu HDPE có độ bền và dẻo dai. Được pha trộn với phụ gia có chất chống oxy hóa, chống tia UV vì vậy sẽ ít bị lão hóa dưới tác động của ánh nắng mặt trời.	Thùng	1
Q322	140	Túi rác thường	Chất liệu: nhựa tự phân hủy sinh học HDPE/PP/PE Kiểu dáng: xếp hông hai bên, với các loại túi có kích thước lớn thì không xếp hông In ấn: In logo và các mức vạch theo quy định của Bộ y tế Kích thước: Tùy chọn theo nhu cầu Màu sắc: Xanh dương, vàng, đen, trắng	Kg	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			Màu vàng : Chất thải lây nhiễm. Màu đen: Chất thải hóa học nguy hại tế bào Màu xanh : Chất thải thông thường Màu trắng : Chất thải có khả năng tái chế.		
Q323	141	Vải màn 36 lỗ/1cm ² , kích thước 10 x 10cm	Màn tuyen xuất khẩu loại 1m ² là sản phẩm có chất lượng cao giữ cho bạn an toàn đối với muỗi có mang ký sinh trùng sốt rét. - Dệt từ sợi polyester-75 denier - sợi đa (32 sợi tơ), có độ bền rất cao. Định hình ở nhiệt độ cao, tạo cho mắt lưới tuyen rất ổn định, thoáng, mát. - Màn tuyen được dệt và may bằng kỹ thuật tiên tiến, Đặc biệt đường can thân màn bằng đường may đôi, các góc màn đều có may các miếng đắp góc, tăng cường sức chịu lực và có các dây tai rất thuận tiện cho việc sử dụng màn. - Xuất xứ: Việt Nam. - Kích thước: Dài 2m x Rộng 10 x Cao 10cm (có sai số). - Kích thước lỗ: 36 lỗ/cm ² . - Màu sắc: màu trắng	Mảnh	1
Q324	142	Vải màn 36 lỗ/1cm ² , kích thước 15 x 15cm	Màn tuyen xuất khẩu loại 1m ² là sản phẩm có chất lượng cao giữ cho bạn an toàn đối với muỗi có mang ký sinh trùng sốt rét. - Dệt từ sợi polyester-75 denier - sợi đa (32 sợi tơ), có độ bền rất cao. Định hình ở nhiệt độ cao, tạo cho mắt lưới tuyen rất ổn định, thoáng, mát. - Màn tuyen được dệt và may bằng kỹ thuật tiên tiến, Đặc biệt đường can thân màn bằng đường may đôi, các góc màn đều có may các miếng đắp góc, tăng cường sức chịu lực và có các dây tai rất thuận tiện cho việc sử dụng màn. - Xuất xứ: Việt Nam. - Kích thước: Dài 2m x Rộng 15 x Cao 15cm (có sai số). - Kích thước lỗ: 36 lỗ/cm ² . - Màu sắc: màu trắng	Mảnh	1
Q325	143	Vòng Kim loại	Vòng kim loại (dùng để giữ cố định giấy thử và giấy ghi trong các ống); + Vòng bằng thép (dùng cho giấy ghi); + Vòng bằng đồng (dùng cho giấy thử); đường kính 44mm	Cái	1
	II.5	BNN			
Q326	1	Chân giá	Giá lấy mẫu 3 chân được thiết kế bằng	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
			hợp kim nhôm, có thể tùy chỉnh độ cao từ 0,5-1,5m. Phù hợp lấy mẫu tại hiện trường, vận chuyển một cách nhẹ nhàng hiệu quả.		
Q327	2	Mỡ cát-xét 3 mảnh	Dụng cụ dùng để tách các khớp nối của đầu lấy mẫu đường kính 47mm	Cái	1
Q328	3	Panh mũi thẳng	Panh có mũi thẳng	Cái	1
Q329	4	Cát-xét 3 mảnh, 37mm	Đầu lấy mẫu bụi toàn phần, 3 mảnh, đường kính 37mm. Sử dụng cùng giấy lọc 37mm. Ứng dụng: Lấy mẫu bụi toàn phần lưu lượng 2L/P, Đáp ứng QCVN 02:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi	Cái	1
Q330	5	Giấy lọc đường kính 37 mm	Đường kính 37 mm, Chất liệu PVC, Kích thước lọc 5.0µm. Kiểu cấu tạo 3 mảnh	Cái	1
Q331	6	Bầu giữ cát-xét	– Tấm đệm đỡ giấy lọc đường kính 25mm. Được dùng đỡ giấy lọc trong quá trình lấy mẫu, tránh làm rách giấy lọc khi hút ở lưu lượng cao. Có các đường kính cơ bản 25mm, 37mm và 47mm. Chất liệu làm từ Cellulose.	Cái	1
Q332	7	Cyclon, 37mm	Cyclon đường kính 37mm để lấy mẫu bụi hô hấp, bụi toàn phần gắn lên người lao động	Cái	1
Q333	8	SiO2 tinh khiết		gam	1
Q334	9	KBr tinh khiết		gam	1
Q335	10	Acid clohydric (HCl)		mL	1
Q336	11	Ethanol (C2H6O)		mL	1
Q337	12	2-Propanol (C3H8O)		mL	1
Q338	13	Chén bạch kim		Cái	1
Q339	14	Ống đong 25 mL		Cái	1
Q340	15	Phễu thủy tinh		Cái	1
Q341	16	Cân	Cân cơ học hoặc điện tử trọng lượng cân > 100kg	Cái	1
Q342	17	Máy đo huyết áp	Máy đo huyết áp cơ học	Cái	1
Q343	18	Ống nghe/ đồng hồ đo nhịp tim	Ống nghe/ đồng hồ đo nhịp tim	Bộ	1
Q344	19	Túi đựng chất thải thông thường	Chất liệu: nhựa tự phân hủy sinh học HDPE/PP/PE Kiểu dáng: xếp hông hai bên, với các loại túi có kích thước lớn thì không xếp hông In ấn: In logo và các mức vạch theo quy định của Bộ y tế Màu xanh : Chất thải thông thường	Kg	1
	II.6	Hoá Sinh			
Q345	1	Kali hydro carbonat (KHCO3)	Độ tinh khiết PA		1
Q346	2	Kali chlorua (KCl)	Độ tinh khiết PA		1
Q347	3	Natri hydro carbonat (NaHCOs)	Độ tinh khiết PA		1
Q348	4	Natri carbonat (Na2CO3)	Độ tinh khiết PA		1
Q349	5	Acid clohydric (HCl)	Độ tinh khiết PA		1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		37%			
Q350	6	Acid tartric (C ₄ H ₆ O ₆)	Độ tinh khiết PA		1
Q351	7	Kali carbonat (K ₂ CO ₃)	Độ tinh khiết PA		1
Q352	8	Dung dịch Borat (Na ₂ B ₄ O ₇)	Độ tinh khiết PA		1
Q353	9	Chén bạch kim		Chiếc	1
Q354	10	Phễu thủy tinh		Cái	1
Q355	11	Ống đong thủy tinh 100 ml		Cái	1
Q356	12	Ống đong thủy tinh 50 mL		Cái	1
Q357	13	Bình tam giác thủy tinh 100 mL		Cái	1
Q358	14	Bình định mức thủy tinh 100 mL		Cái	1
Q359	15	Ống nghiệm cỡ 16 mm X 180 mm		Cái	1
Q360	16	Găng tay tẩy rửa			1
Q361	17	Panh mũi thẳng		Cái	1
Q362	18	Giấy lọc đường kính 37 mm		Cái	1
Q363	19	Khẩu trang chống bụi		Cái	1
Q364	20	Giấy A4		gam	1
Q365	21	SiO ₂ tinh khiết			1
Q366	22	KBr tinh khiết			1
Q367	23	Bầu giữ cát xét			1
Q368	24	Cyclon, 37mm			1
Q369	25	2-Propanol (C ₃ H ₈ O)			1
Q370	26	dung dịch chuẩn gốc 1000mg/L (Acrylamide)	Độ tinh khiết PR	lọ 10 mg	1
Q371	27	axit formic tinh khiết	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q372	28	Aceton tinh khiết (Pha chuẩn)	Độ tinh khiết PR	Chai 1 Lit	1
Q373	29	Methanol tinh khiết (Pha chuẩn)	Độ tinh khiết PR	Chai 1 Lit	1
Q374	30	Pipet 20-200μL		Cái	1
Q375	31	Pipet 100 - 1000 μL		Cái	1
Q376	32	Ống đong 1 Lit	Bình thủy tinh	Cái	1
Q377	33	Cột chiết pha rắn Chromabond cacbonA 1000 mg/6 mL		Cái	1
Q378	34	Cột sắc kí 30m x 0,25mm x 0,25 μm		Cái	1
Q379	35	Bút		cái	1
Q380	36	Xác định hàm lượng t.t-muconic acid trong nước liêu bang phương pháp HPL.C			1
Q381	37	Nước deion			1
Q382	38	Chất chuẩn t,t Muconic	Độ tinh khiết PR		1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		acid 98%			
Q383	39	Natri hydro phosphate			1
Q384	40	Chất chuẩn dùng cho mẫu nước tiểu (Urine control, lyophil for occupational medicine Level 1,2)	Độ tinh khiết PR		1
Q385	41	Pipet tự động 1-5 mL		Cái	1
Q386	42	Cột tách chiết pha rắn SAX (100mg/3ml)			1
Q387	43	Lọ đựng nước tiểu dung tích 20mL		Cái	1
Q388	44	Cột sắc ký C18 (150 mm X 4,6mm X 5pm)			1
Q389	45	Xác định hàm lượng o-cresol trong nước tiểu bằng phương pháp sắc ký			1
Q390	46	Chất chuẩn o-cresol $\geq 99\%$	Độ tinh khiết PR		1
Q391	47	Dung dịch nội chuẩn nitrobenzen ($\geq 99\%$),	Độ tinh khiết PR		1
Q392	48	Chất chuẩn dùng cho mẫu nước tiểu dùng cho các hợp chất phenol (Urine control, lyophil for Phenolic compounds L1,2)	Độ tinh khiết PR		1
Q393	49	Diethyllete	Độ tinh khiết PA		1
Q394	50	Thymol			1
Q395	51	Khí nito 99.999%			1
Q396	52	Ống falcon 15 mL		Cái	1
Q397	53	Đầu côn 5 mL			1
Q398	54	Cột sắc ký DB-5MS (30 m X 0,25 mm X 0,25 μ L)			1
Q399	55	Graphite ferrule (0,1-0,32)			1
Q400	56	Xác định hàm lượng methyl hippuric acid trong nước tiểu bằng phương pháp HPLC			1
Q401	57	Chất chuẩn 2-methyl hippuric axit ($\geq 98\%$)	Độ tinh khiết PR		1
Q402	58	Chất chuẩn 3-methyl hippuric axit ($\geq 98\%$)	Độ tinh khiết PR		1
Q403	59	Chất chuẩn 4-methyl hippuric axit ($\geq 98\%$)	Độ tinh khiết PR		1
Q404	60	Ethyl acetate	Độ tinh khiết PA		1
Q405	61	Xác định độ màu trong nước bằng phương pháp trắc quang			1
Q406	62	Bình định mức 25mL	Bình thủy tinh		1
Q407	63	Bình định mức 50mL			1
Q408	64	Xác định mùi vị trong			1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		nước bằng cảm quan			
Q409	65	Cốc nhựa			1
Q410	66	Pipet 100mL		Cái	1
Q411	67	Pipet 50mL		Cái	1
Q412	68	Pipet 25 mL		Cái	1
Q413	69	Acid metaphosphoric (MPA), độ tinh khiết $\geq 40\%$	Độ tinh khiết PA		1
Q414	70	Trisodium phosphate dodecahydrate, độ tinh khiết $\geq 98\%$	Độ tinh khiết PA		1
Q415	71	L-cystein, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Độ tinh khiết PA		1
Q416	72	N-cetyl-N,N,N-trimethylamoni bromua, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Độ tinh khiết PA		1
Q417	73	Nước siêu tinh khiết			1
Q418	74	Bộ cột sắc ký lỏng C18			1
Q419	75	Bình định mức thủy tinh 10 ml	Bình thủy tinh	Cái	1
Q420	76	Pipet tự động dung tích 10 - 100 μ l		Cái	1
Q421	77	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 500 ml	Bình thủy tinh	Cái	1
Q422	78	Cốc thủy tinh có mỏ 1000mL	Thủy tinh	Cái	1
Q423	79	Bộ lọc dung môi pha động gồm bình hứng, phễu lọc, đầu lọc, kẹp kim loại			1
Q424	80	Màng lọc dung môi pha động cellulose acetate 0,45 μ m, đường kính 47mm			1
Q425	81	Cốc xay mẫu bằng inox			1
Q426	82	Bơm tiêm y tế nhựa 5mL			1
Q427	83	Ống ly tâm nhựa, dung tích 15mL			1
Q428	84	Giá đựng ống ly tâm bằng nhựa			1
Q429	85	Thìa lấy mẫu			1
Q430	86	Quả bóp cao su			1
Q431	87	Quần, áo, mũ bảo hộ lao động			1
Q432	88	Dép đi trong phòng thí nghiệm			1
Q433	89	Khẩu trang phòng độc 3M 7502			1
Q434	90	Kim bơm mẫu GC IOpl		Cái	1
Q435	91	Bình định mức 5 mL			1
Q436	92	Methyl tert-butyl ether (MTBE) tinh khiết (dung pha chuẩn)			1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q437	93	Cột chiết pha rắn Bond Elute PPL 500mg/ 6mL			1
Q438	94	Cột sắc ký Rtx-lms 30mx0.25mmx0.25pm			1
Q439	95	Cột sắc ký RTX-Wax 30m X 0,25mm X 0,25pm			1
Q440	96	Thuỷ ngân II chloride (HgCl ₂)	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q441	97	Ống polyethylen có nắp vận 50 mL		Cái	1
Q442	98	Natri metabisulfít (Na ₂ S ₂ O ₅)	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q443	99	Iod (I ₂)	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q444	100	Kali iodat (KIO ₃)	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q445	101	Natri thiosulfat (Na ₂ S ₂ O ₃)	Độ tinh khiết PA	Lọ 1kg	1
Q446	102	P-rospanilin hydrochloride [(H ₂ NC ₆ H ₄) ₃ C]Cl	Độ tinh khiết PA	Lọ 25g	1
Q447	103	N- Butanol CH ₃ (CH ₂) ₃ OH	Độ tinh khiết PA		1
Q448	104	Acid sulfamic (NH ₂ SO ₃ H)	Độ tinh khiết PA		1
Q449	105	Cốc đong thủy tinh 250 mL	Cốc thủy tinh	Cái	1
Q450	106	Bình định mức 500 mL	Bình thủy tinh	Cái	1
Q451	107	Bình định mức 1000 mL	Bình thủy tinh	Cái	1
Q452	108	Phễu thủy tinh đường kính 60 mm	Phễu thủy tinh	Cái	1
Q453	109	Phễu chiết 250 mL	Phễu thủy tinh	Cái	1
Q454	110	Ống nghiệm thủy tinh 16x160 mm	Ống nghiệm thủy tinh	Cái	1
Q455	111	Ống polyethylen có nắp vận, 15 mL		Cái	1
Q456	112	Bari chloride (BaCl ₂)	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q457	113	Kali sulfat (K ₂ SO ₄)	Độ tinh khiết PA	Lọ 250g	1
Q458	114	Bình định mức 250 mL	Bình thủy tinh	Cái	1
Q459	115	Bình cầu thủy tinh 100 mL	Bình thủy tinh	Cái	1
Q460	116	Bình cầu thủy tinh 100 mL		Cái	1
Q461	117	Mỡ cat-xet		Cái	1
Q462	118	Chất chuẩn gốc mỗi kim loại	Độ tinh khiết PR	Chai 125 mL	1
Q463	119	Hydro peroxyde (H ₂ O ₂) 30%	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q464	120	Hỗn hợp chuẩn khối	Độ tinh khiết PR		1
Q465	121	Dung dịch chuẩn gốc Bromat 1000mg/L	Độ tinh khiết PR	Lọ 100mL	1
Q466	122	Pha động EGC 500 KOH	Độ tinh khiết PA	Chai 500g	1
Q467	123	Xilanh 10mL		Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q468	124	Cúc lọc 0,22 pm X 25mm		Cái	1
Q469	125	Dung dịch chuẩn gốc Chlorat (CIO3) 1000mg/L	Độ tinh khiết PR	Lọ 100mL	1
Q470	126	Chỉ thị Murexit	Độ tinh khiết PA	100g	1
Q471	127	Ethylene glycol	Độ tinh khiết PA	500ml	1
Q472	128	Chỉ thị Eriocrom T đen	Độ tinh khiết PA	lọ 25g	1
Q473	129	Giấy thử pH từ 0 - 14		Hộp	1
Q474	130	Buret 10 ml		Cái	1
Q475	131	Pipet 5mL	Pipet thủy tinh	Cái	1
Q476	132	Dung dịch chuẩn Formaldehyde 37%	Độ tinh khiết PA	mL	1
Q477	133	2,4-dinitrophenylhydrazine (DNPH) tinh khiết (d=0.843 g/mL tại 20 °C)	Độ tinh khiết PA	1lit	1
Q478	134	Cột chiết c 18 500 mg/6mL		Cái	1
Q479	135	Màng lọc sợi thủy tinh, đường kính			1
Q480	136	47mm - 60mm với kích thước lỗ 2 micromet			1
Q481	137	Dinatri hydro phosphat khan (Na2HPO4)	Độ tinh khiết PA		1
Q482	138	Kali hydro phosphat (KH2PO4)	Độ tinh khiết PA		1
Q483	139	N.N-dietyl-1.4 phenylendiamin sunfat [NH2-C6H4-N(C2H5)2.H2SO4] (DPD)	Độ tinh khiết PA		1
Q484	140	Chai đựng mẫu		Cái	1
Q485	141	Đá khô		Viên	1
Q486	142	Thùng bảo quản mẫu		Cái	1
Q487	143	Bộ dụng cụ lấy mẫu		Bộ	1
Q488	144	Gáo lấy mẫu		Cái	1
Q489	145	Nhãn tên		Cái	1
Q490	146	Bật lửa		Cái	1
Q491	147	Bông cotton		Cái	1
Q492	148	Xác định nồng độ dung môi hữu cơ, các hợp chất hữu cơ: Benzen. Formaldehyde. Xăng...trong không khí (Mẫu thời điểm, áp dụng cho 01 chỉ tiêu)			1
Q493	149	Chất chuẩn/dung dịch gốc	Benzen. Formaldehyde. Xăng...trong không khí	g	1
Q494	150	Carbon disulfide (CS1)	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q495	151	Cột sắc ký		Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q496	152	Găng tay tẩy nia		Đôi	1
Q497	153	Xác định nồng độ dung môi hữu cơ, các hợp chất hữu cơ: Benzen. Formaldehyde. Xăng...trong không khí (Mẫu thời điểm, áp dụng cho 01 chỉ tiêu)			1
Q498	154	Carbon disulfide (CS ₂)	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q499	155	Ống hấp phụ	Thủy tinh		1
Q500	156	Xác định hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol trong nước bằng phương pháp sắc ký (Áp dụng cho 1 chỉ tiêu)			1
Q501	157	Dichloromethane	Độ tinh khiết PA	ml	1
Q502	158	Natri sulfate khan (Na ₂ SO ₄ *) tinh khiết	Độ tinh khiết PA	g	1
Q503	159	Cột sắc ký GC/FID DB-5MS UI (60m X 0.25 mm X 0.25 (µm)		Cái	1
Q504	160	Xác định hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi trong nước (benzen, toluen, xylen. ethylbenzen. styren) bằng phương pháp sắc ký (Áp dụng cho 1 chỉ tiêu)			1
Q505	161	Dung dịch chuẩn gốc 2000 mg/L mỗi chất	Độ tinh khiết PR	g	1
Q506	162	Petroleum eter (Eter dầu hoà), Nhiệt độ sôi 40 - 60 độ C		Chai 1 Lit	1
Q507	163	Dyethyl eter (C ₄ H ₁₀ O), độ tinh khiết ≥ 99,7%	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q508	164	Chloroform (CHCl ₃), độ tinh khiết ≥ 99,0%	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q509	165	Ethanol (C ₂ H ₅ OH), độ tinh khiết ≥ 99,9%	Độ tinh khiết PA	Chai 1 Lit	1
Q510	166	Magie oxyt (MgO)	Độ tinh khiết PA	Lọ 250g	1
Q511	167	xanh metyl	Độ tinh khiết PA	Lọ 25g	1
Q512	168	Bromothimol xanh	Độ tinh khiết PA	Lọ 25g	1
Q513	169	Thimolphtalein	Độ tinh khiết PA	Lọ 25g	1
Q514	170	Natri hydrophotphat (Na ₂ HPO ₄ .2H ₂ O)	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q515	171	Chất chuẩn vitamin C, độ tinh khiết >99 %,	Độ tinh khiết PR	Lọ 100mg	1
Q516	172	Acid metaphosphoric (MPA), độ tinh khiết	Độ tinh khiết PA	Chai 1L	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		≥40%			
Q517	173	Trisodium phosphate dodecahydrate, độ tinh khiết ≥98%	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q518	174	L-cystein, độ tinh khiết ≥99%	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q519	175	N-cetyl-N,N,N-trimethylamoni bromua, độ tinh khiết ≥99%	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q520	176	Nước siêu tinh khiết		Chai 1L	1
Q521	177	Zinc Oxide (ZnO), độ tinh khiết ≥ 99,9%	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q522	178	Potassium hydroxide (KOH), độ tinh khiết ≥ 90 %	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q523	179	Sodium molybdate dihydrate (Na ₂ MoO ₄ .2H ₂ O), độ tinh khiết ≥ 99,5 %		Lọ 500g	1
Q524	180	Selenium	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q525	181	Methyl red	Độ tinh khiết PA	Chai 100g	1
Q526	182	Bromocresol green	Độ tinh khiết PA	Chai 100g	1
Q527	183	Boric acid	Độ tinh khiết PA	Chai 500g	1
Q528	184	Ammonium sulfate	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q529	185	Tryptophan	Độ tinh khiết PA	Lọ 100g	1
Q530	186	Potassium sulfate	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q531	187	Copper sulfate pentahydrate	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q532	188	Peroxide	Độ tinh khiết PA	Chai 1 lít	1
Q533	189	Titanium Dioxide	Độ tinh khiết PA	Lọ 1000g	1
Q534	190	Sacarose	Độ tinh khiết PA	Lọ 500g	1
Q535	191	Silicon anti-foaming agent	Độ tinh khiết PA	Chai 500ml	1
Q536	192	Cốc chiết Soxhlec, dung tích 100ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q537	193	Ống đong thủy tinh 10ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q538	194	Ống đong thủy tinh 250ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q539	195	Ống đong thủy tinh 500ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q540	196	Phễu chiết quả lê, dung tích 100ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q541	197	Phễu thủy tinh đường kính 7cm	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q542	198	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 10ml, có chia vạch	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q543	199	Cốc thủy tinh có mỏ	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
		dung tích 100ml, có chia vạch			
Q544	200	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 2000ml, có chia vạch	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q545	201	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 1000ml, có chia vạch	Thủy tinh chịu nhiệt		1
Q546	202	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 500ml, có chia vạch	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q547	203	Bông không thấm nước		g	1
Q548	204	Bông thấm nước		g	1
Q549	205	Mặt nạ phòng độc 3M 7502		Cái	1
Q550	206	Kính bảo hộ lao động		Cái	1
Q551	207	Bình tia nước cất nhựa 500ml		Cái	1
Q552	208	Đũa thủy tinh dài 30cm, Đường kính 7mm	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q553	209	Nhiệt kế (Dải đo 0 độ C - 50 độ C), vạch chia nhỏ nhất 0,5 độ C		Cái	1
Q554	210	Rượu kế (Dải đo 0-60 tính theo % thể tích ở 20 độ C, có chia vạch 1% tính theo thể tích		Cái	1
Q555	211	Găng tay chịu nhiệt		Đôi	1
Q556	212	Giấy đo pH		Hộp	1
Q557	213	Buret 25ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q558	214	Pipet 10ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q559	215	Pipet 20ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q560	216	Pipet 5ml chia 2 vạch	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q561	217	Pipet 2ml chia 2 vạch	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q562	218	Pipet 1ml chia 2 vạch	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q563	219	Pipet 50ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q564	220	Bình Keldan phá mẫu	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q565	221	Chai thủy tinh có nắp vặn 100 ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Chai	1
Q566	222	Chai thủy tinh có nắp vặn 250ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Chai	1
Q567	223	Chai thủy tinh có nắp vặn 1000mL	Thủy tinh chịu nhiệt	Chai	1
Q568	224	Bộ lọc dung môi pha động gồm bình hứng, phễu lọc, đầu lọc, kẹp kim loại		Bộ	1
Q569	225	Màng lọc dung môi pha động cenlulose acetate 0,45μm, đường kính 47mm		Cái	1

Mã	TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số Lượng
Q570	226	Chén nung (chén sứ chịu nhiệt) có nắp đậy, dung tích 100mL		Cái	1
Q571	227	Bình hút ẩm bằng thủy tinh, chứa silicagel		Cái	1
Q572	228	Đũa thủy tinh dài 10 cm		Cái	1
Q573	229	Rây lưới bằng inox có đường kính lỗ 4-5mm		Cái	1
Q574	230	Rây lưới bằng inox có đường kính lỗ 1-1,5mm		Cái	1
Q575	231	Giấy quỳ		Bảng	1
Q576	232	Kẹp gấp chén nung bằng sắt, có cán dài, chịu nhiệt		Cái	1
Q577	233	Cát		Kg	1
Q578	234	Chén nung (chén sứ chịu nhiệt), có nắp đậy, dung tích 30 ml		Cái	1
Q579	235	Buret thủy tinh 10 ml, vạch chia nhỏ nhất 0,05 ml	Thủy tinh chịu nhiệt	Cái	1
Q580	236	Thìa cân các loại		Bộ	1
Q581	237	Ống phân hủy bằng thủy tinh, dung tích 250 ml	Thủy tinh chịu nhiệt	chiếc	1
Q582	238	Bình tam giác thủy tinh 500ml	Thủy tinh chịu nhiệt	chiếc	1
Q583	239	Máy xay mẫu		Chiếc	1
Q584	240	Dao		Cái	1
Q585	241	Thớt		Cái	1

Lưu ý: Quý nhà thầu quan tâm cung cấp báo giá không được xóa cột mã của hàng hoá

- Với các danh mục chưa có thông số kỹ thuật nhà thầu tự chào
- Nhà thầu tự chào theo quy cách đóng gói nhỏ nhất

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thông thường (Mẫu dự trù 01, 03)

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Địa chỉ:.....

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá cho các hàng hóa, dịch vụ.... như sau:

Mã	TT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa (dịch vụ) (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Thành tiền (VNĐ)
Q001	1						
Q002	2						
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT):						

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày].

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa/dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu)